

Tài liệu Hướng dẫn sử dụng VIETSTOCKFINANCE



DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1.1. Giới thiệu Vietstockfinance	3
1.2. Đăng nhập hệ thống	4
1.3. Nâng cấp tài khoản	5
1.4. Bố trí ứng dụng	5
1.5. Liên hệ, giải đáp thắc mắc	6
2. Tính năng	6
2.1. Thị trường	6
2.1.1. Bản đồ thị trường	6
2.1.2. Phân tích thị trường	7
2.1.3. Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số thị trường	8
2.1.4. Bản đồ phân tích theo ngành	8
2.1.5. Tổng quan giao dịch của khối ngoại	9
2.2. Vĩ mô	9
2.3. Ngành	10
2.4. Doanh nghiệp	11
2.4.1. Thống kê danh sách doanh nghiệp A-Z	11
2.4.2. Chi tiết thông tin của từng doanh nghiệp	12
2.4.3. Lịch sự kiện cổ tức, đại hội...	20
2.4.4. Cập nhật kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kỳ mới nhất	21
2.4.5. Tài liệu cổ đông	21
2.5. Chứng khoán phái sinh	21
2.5.1. Hợp đồng tương lai (Futures, HDTL)	21
2.5.2. Chứng quyền (Covered Warrants - CW)	26
2.6. Công cụ đầu tư	29
2.6.1. Biểu đồ sức mạnh giá và dòng tiền (RRG)	29
2.6.2. Bảng giá trực tuyến	30
2.6.3. Bộ lọc cổ phiếu	30
2.6.4. Phân tích kỹ thuật Stockchart	32
2.6.5. Báo cáo phân tích	32
2.6.6. Technical Rating	33
2.6.7. Biểu đồ tài chính	34
2.7. Truy xuất dữ liệu	35
2.7.1. Tổng hợp doanh nghiệp	36
2.7.2. Báo cáo tài chính	37

2.7.3. Báo cáo tài chính ngành	38
3. PHƯƠNG PHÁP LUẬN	39
3.1. Hệ thống phân ngành	39
3.2. Chỉ số chứng khoán	39
3.3. Chỉ số tài chính doanh nghiệp	39
3.3.1. Chỉ số tài chính kỳ ngày	39
3.3.2. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (CTCP thường và CTCK)	40
3.3.3. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Bảo hiểm)	44
3.3.4. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Ngân hàng)	45
4. VỀ VIETSTOCK	47
4.1. Giới thiệu về Vietstock	48
4.2. Hoạt động kinh doanh chính	49
4.3. Sản phẩm dịch vụ	49

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Giới thiệu Vietstockfinance



VietstockFinance - Dữ liệu tài chính và công cụ đầu tư chứng khoán trên nền web

VietstockFinance là nền tảng dữ liệu tài chính, công cụ phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu. Cơ sở dữ liệu trên VietstockFinance mang tính toàn diện nền kinh tế - mọi góc độ doanh nghiệp được sắp xếp khoa học; thông tin chính xác, cập nhật và toàn diện. Hệ thống các tính năng và công cụ phục vụ nhu cầu phân tích đầu tư chứng khoán phù hợp khẩu vị đầu tư cho trường phái phân tích cơ bản lẫn phân tích kỹ thuật.

VietstockFinance bao phủ thông tin toàn diện hơn 1,700 doanh nghiệp niêm yết/đăng ký giao dịch trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM và doanh nghiệp đại chúng.

Với 5 cấp độ tài khoản truy cập, từ FREE, BASIC, STANDARD, PRO và PREMIUM, VietstockFinance phục vụ nhu cầu đa dạng của cộng đồng hàng triệu tài khoản nhà đầu tư trên thị trường, chuyên gia giao dịch, nhà tư vấn, môi giới và nhà phân tích.

1.2. Đăng nhập hệ thống



The screenshot shows the VietstockFinance website interface. At the top, there are navigation links: Vietstock (VN | EN), VietstockFinance (VN | EN), Đầu tư chứng khoán, Diễn đàn, IR Awards, and Dịch vụ Vietstock. On the right, there is a search bar with a 'Đăng nhập' (Login) button highlighted in red. Below the navigation bar, there is a table showing market indices and their performance:

Index	Value	Change	% Change
VN-Index	1,048.98	-6.04	-0.57%
HNX-Index	205.85	-2.4	-1.15%
VS 100	507.77	-1.72	-0.34%
VN30F1M	1,055.00	-8	-0.75%
Dầu	79.72	-1.14	-1.41%
Spot Gold	1,985.13 USD	~ 54.45	trở

Below the table, there is a section for 'Mới nhất' (Latest) with a list of news items. On the left, there is a logo for Vietstock and a section for 'Thứ Tư, 19/04/2023 | 3:18:00 PM' with a world map showing locations: Việt Nam, Singapore, Tokyo, Sydney, New York, and London.

Để đăng nhập vào VietstockFinance, bạn thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Trên trình duyệt, truy cập vào website: <https://finance.vietstock.vn/>. Bấm chọn biểu tượng **Đăng nhập** bên góc phải trên cùng màn hình. VietstockFinance cung cấp 3 cách đăng nhập (VietstockID, Google, Facebook).
- Bước 2: Đăng nhập vào hệ thống: Nhập Email và Mật khẩu.
- Bước 3: Sau khi điền thông tin đăng nhập & mật khẩu, bấm chọn **Đăng nhập**.

Lưu ý: Có thể chọn **Ghi nhớ đăng nhập** để lưu thông tin cho lần đăng nhập sau.

Trường hợp chưa có tài khoản, click **Đăng ký tài khoản mới** để đăng ký VietstockID:

Đăng ký VietstockID
X

👤

✉

🔒

🔒

☐ I'm not a robot


reCAPTCHA
Privacy - Terms

[Bạn đã có tài khoản? Đăng nhập tại đây](#)
Đăng ký

1.3. Nâng cấp tài khoản

Để nâng cấp tài khoản, bấm chọn biểu tượng Mua hàng ở góc phải màn hình và chọn gói tài khoản phù hợp với nhu cầu sử dụng.

[Vietstock \(VN | EN\)](#)
[VietstockFinance \(VN | EN\)](#)
[Đầu tư chứng khoán](#)
[Diễn đàn](#)
[IR Awards](#)
[Dịch vụ Vietstock](#)





VN-Index	1,048.98	-6.04 ↓	-0.57%
HNX-Index	205.85	-2.4 ↓	-1.15%
VS 100	507.77	-1.72 ↓	-0.34%
VN30F1M	1,055.00	-8 ↓	-0.75%

Mới nhất [Tiêu điểm](#) [Đọc nhiều](#)

15:02 Hải quân ngọt từ tái cấu trúc, BIDIPHAR đạt mục tiêu doanh...

14:36 Mới quý 1, SKG đã thực hiện gần phân nửa kế hoạch lợi...

14:30 Nhịp đập Thị trường 19/04: Thị trường suy yếu trước giờ...

VietstockFinance cung cấp [5 gói sản phẩm](#), tương ứng với 5 hạng tài khoản bao gồm:

- **FREE:** Nhà đầu tư chưa đăng ký tài khoản, nhiều tính năng bị hạn chế truy cập
- **BASIC:** Đăng ký hoàn toàn miễn phí, trải nghiệm tính năng ở mức độ cơ bản
- **STANDARD:** Bạn đồng hành của mọi nhà đầu tư với các tính năng ở mức độ tiêu chuẩn
- **PRO:** Nhà đầu tư chuyên nghiệp với công cụ và truy xuất dữ liệu chuyên sâu
- **PREMIUM:** Đăng cấp Doanh nghiệp với nền tảng công cụ, dữ liệu toàn diện nhất

1.4. Bố trí ứng dụng

- (1) Menu chung hệ sinh thái Vietstock
- (2) Nhóm: Nâng cấp tài khoản, Thông báo, Đăng nhập và quản lý tài khoản
- (3) Công cụ Tìm kiếm
- (4) Thanh Menu chính của VietstockFinance

Vietstock (VN) | EN

VietstockFinance (VN) | EN

Đầu tư chứng khoán

Diễn đàn

IR Awards

Dịch vụ Vietstock

(1)

(2)

Nhập mã chứng

Q



Thứ Tư, 19/04/2023 | 3:35:34 PM

Việt Nam

Singapore

Tokyo

Sydney

New York

London

VN-Index

1,048.98

-6.04

-0.57%

HNX-Index

205.85

-2.4

-1.15%

VS 100

507.77

-1.72

-0.34%

VN30F1M

1,055.00

-8

-0.75%

Dầu

79.61

-1.25

-1.55%

Spot Gold

1,986.04 USD

~ 54.47

trở

Mới nhất

Tiêu điểm

Đọc nhiều

15:02

Hải quân ngọt từ tái cấu trúc, BIDIPHAR đặt mục tiêu doanh...

14:36

Mới quý 1, SKG đã thực hiện gần phân nửa kế hoạch lợi...

14:30

Nhập đập Thị trường 19/04: Thị trường suy yếu trước giờ...

14:17

Thủy điện Bắc Hà lỗ 15 tỷ đồng trong quý 1

14:16

Dự án Luật Các TCTD (sửa đổi): Ngân hàng bị rút tiền hà...

VÍ MÔ

THỊ TRƯỜNG

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

PHÁI SINH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

TRUY XUẤT DỮ LIỆU

THỊ TRƯỜNG

Tổng quan thị trường

Kết quả giao dịch

Tâm lý thị trường

NGÀNH

Tổng quan ngành

Chỉ số ngành

DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp A-Z

Lịch sự kiện

Cập nhật lãi lỗ

Giao dịch nội bộ

Tài liệu cổ đông

PHÁI SINH

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tổng quan

Thông kê giao dịch

Kiến thức / Qui định

CHỨNG QUYỀN

Tổng quan

Thông kê giao dịch

BlackScholes

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

Sức mạnh giá RRG

Phân tích kỹ thuật

Bảng giá trực tuyến

Bộ lọc cổ phiếu

So sánh cổ phiếu

Báo cáo phân tích

TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Tổng hợp doanh nghiệp

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính ngành

Ví mô

1.5. Liên hệ, giải đáp thắc mắc

Trong quá trình sử dụng VietstockFinance, nếu có bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến kỹ thuật hoặc thao tác sử dụng, bạn có thể gửi yêu cầu hỗ trợ trực tiếp tới Trung tâm chăm sóc khách hàng của VietstockFinance theo thông tin sau:

- ❖ **Email:** data@vietstock.vn
- ❖ **Hotline:** **0908 16 98 98**

Ngoài ra, bạn cũng có thể click vào **Phản hồi về dữ liệu** để gửi phản hồi và thắc mắc đến bộ phận liên quan của Vietstock.

Thích 1.4K

Chia sẻ

Phản hồi về dữ liệu

Mua dữ liệu

VN-Index

1,048.98

-6.04

(-0.57%)

HNX-Index

205.85

-2.4

(-1.15%)

Tất cả

Lọc

Ngành NAICS

Tất cả

Vốn hóa

Hình chữ nhật

Cổ điển

1:1

2. Tính năng

2.1. Thị trường

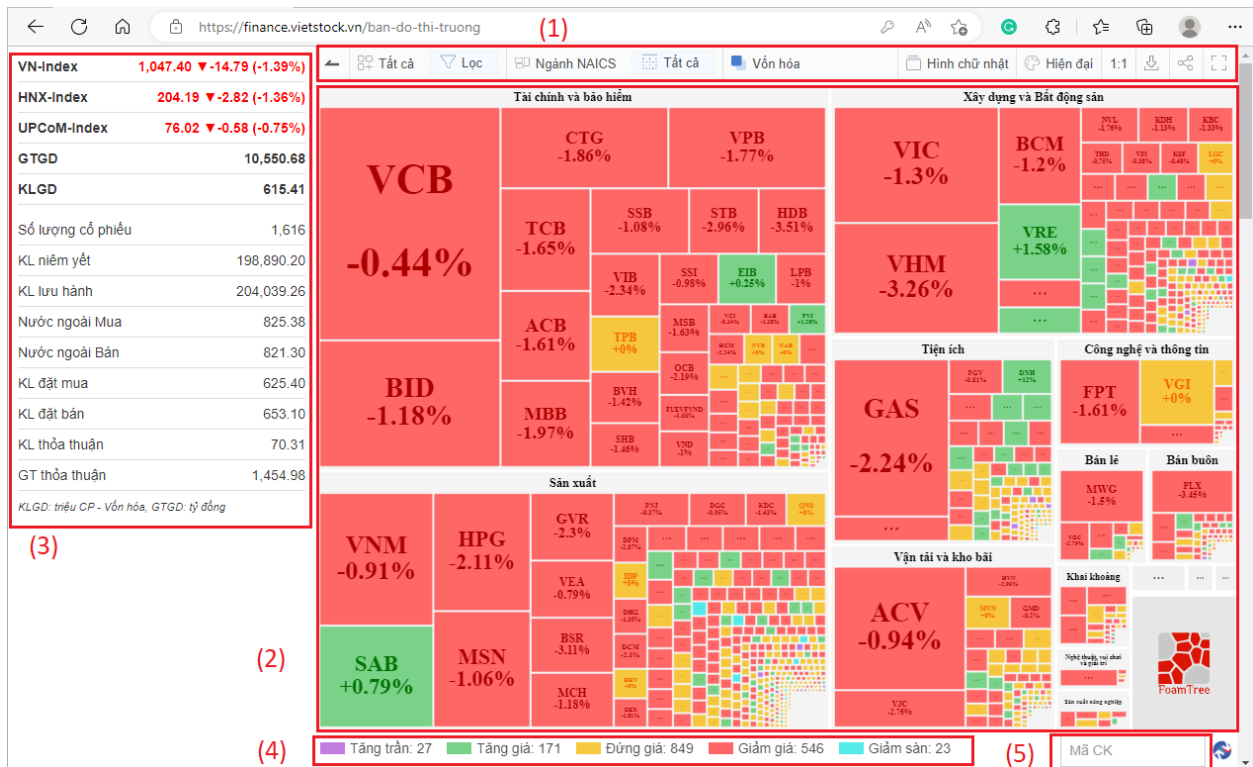
2.1.1. Bản đồ thị trường

Bản đồ thị trường là bản đồ nhiệt (heat map) phân tích nhanh toàn cảnh thị trường về biến động giá và một số tiêu chí linh hoạt khác. Thiết kế bao gồm các khu vực thông tin:

- (1) Menu điều khiển, linh hoạt lựa chọn các tiêu chí phân tích
- (2) Khu vực hiển thị Biểu đồ
- (3) Thông tin về thị trường hoặc mã chứng khoán bạn đang quan tâm
- (4) Thống kê số mã theo phân loại về mức biến động giá
- (5) Tìm kiếm mã CK giúp phóng to biểu đồ tới mã bạn quan tâm

Vietstock | VietstockFinance

6



Thanh menu Bản đồ thị trường (1) có các thông số tùy chỉnh:

- **Chọn nguồn danh sách mã:** Chọn MCK theo sàn hoặc từng MCK để hiển thị
- **Phân nhóm hiển thị:** Các tùy chọn phân nhóm mã CK theo Ngành (VS-Sector), Sàn, Vốn hóa, Không phân nhóm; và xem chi tiết từng nhóm.
- **Chỉ tiêu phân tích:** Vốn hóa, các chỉ tiêu giá trị, khối lượng, thỏa thuận, khớp lệnh, khối ngoại, giá,... (là kích thước diện tích mỗi ô trong biểu đồ).
- **Hình dạng** mỗi ô: Hình chữ nhật, hình đa giác, hình tròn.
- **Màu sắc:** Nhiều tùy chọn tông màu.
- **Tỷ lệ:** Tỷ lệ chuẩn là 1:1. Có thể chọn 0.5, 0.25 để giảm kích thước của MCK lớn, giúp MCK nhỏ hiển thị rõ hơn.
- **Tải ảnh:** Tải ảnh về máy của bạn.
- **Chia sẻ:** Sao chép đường dẫn (copy link) để chia sẻ, Chi sẻ Facebook.
- **Xem toàn màn hình:** Giúp trải nghiệm hiển thị tối ưu nhất.

2.1.2. Phân tích thị trường

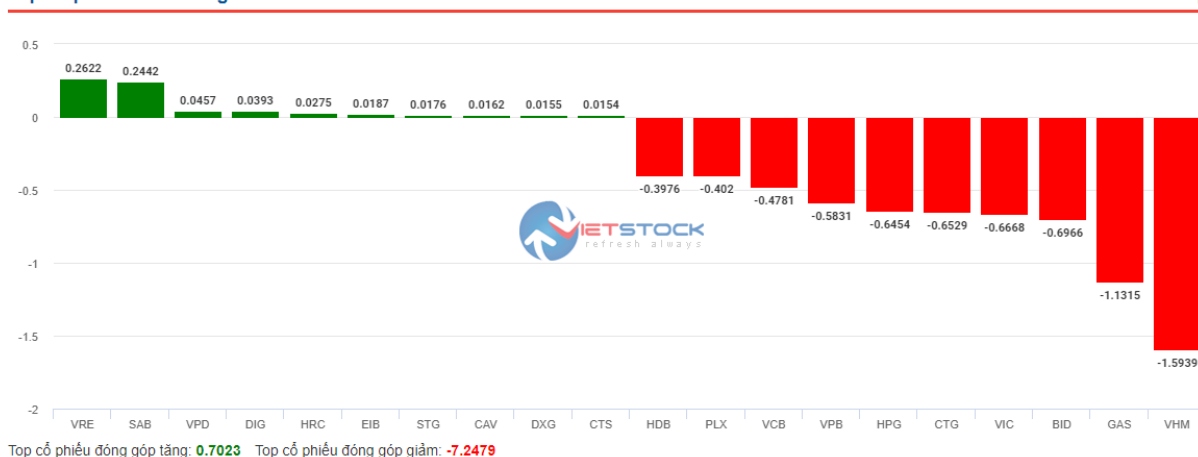
Biểu đồ phân tích biến động giá trong ngày các chỉ số thị trường Việt Nam và các chỉ số chính trên thị trường thế giới (Mỹ, Châu Âu, Châu Á).



2.1.3. Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số thị trường

Biểu đồ và danh sách top cổ phiếu về mức độ ảnh hưởng/đóng góp đến tăng/giảm của chỉ số thị trường VN-Index. Khi click vào nút mở rộng có thể tra cứu và tùy chọn thêm top cổ phiếu tác động đến các chỉ số khác HNX-Index, UPCoM-Index, VN30, HNX30.

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



Top 10 cổ phiếu theo các tiêu chí:

- Giao dịch: Nước ngoài mua/bán, Giá trị giao dịch/bình quân 10 phiên
- Chỉ số: PE, PB, EPS và vốn hóa

Top 10 cổ phiếu

STT	Mã CK	NN mua		NN bán		GTGD		Thay đổi
		Giá trị	Giá	Giá trị	Giá	Giá	Giá	
1	STB	479,501	25,750					50 (0.19%)
2	SSI	479,158	21,400					200 (0.94%)
3	NVL	447,135	14,500					300 (2.11%)
4	DIG	419,557	16,100					-100 (-0.62%)
5	VND	418,223	14,900					50 (0.34%)
6	SHB	406,742	11,850					0 (0%)
7	HPG	363,919	20,650					0 (0%)
8	DXG	265,689	12,700					-50 (-0.39%)
9	VPB	234,002	20,400					-100 (-0.49%)
10	VCG	219,918	19,650					150 (0.77%)

NN mua: Nước ngoài mua ròng (cp), NN bán: nước ngoài bán ròng (cp), GTGD: GTGD lớn nhất (triệu đồng), GTGD TB: GTGD trung bình trong 10 phiên (triệu đồng)

Top 10 theo chỉ số

STT	Mã CK	P/E		P/B		EPS		Vốn hóa	
		KL	Giá	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS
1	VCB	16,900	88,300			-100 (-0.11%)	15.17	3.08	5,821
2	BID	66,300	44,550			100 (0.22%)	14.26	2.16	3,125
3	VHM	84,800	50,200			200 (0.4%)	7.58	1.47	6,621
4	VIC	140,600	52,700			-200 (-0.38%)	22.26	1.48	2,367
5	GAS	33,500	98,300			200 (0.2%)	12.85	3.08	7,649
6	VNM	145,800	72,300			-500 (-0.69%)	19.91	4.60	3,632
7	CTG	131,000	28,950			-150 (-0.52%)	8.29	1.29	3,491
8	VPB	286,600	20,400			-100 (-0.49%)	7.51	1.32	2,718
9	HPG	1,051,300	20,650			0 (0%)	14.22	1.25	1,452
10	MSN	191,200	77,400			-700 (-0.9%)	30.82	3.01	2,511

P/E thấp nhất, P/B thấp nhất, EPS lớn nhất, Vốn hóa lớn nhất (tỷ đồng)

2.1.4. Bản đồ phân tích theo ngành

Bản đồ theo nhóm ngành phân tích biến động giá theo từng ngành (hệ phân ngành VS - Sector: xem chi tiết thêm tại Hướng dẫn phân ngành).

VS-SECTOR Mặc định Giảm dần Tăng dần

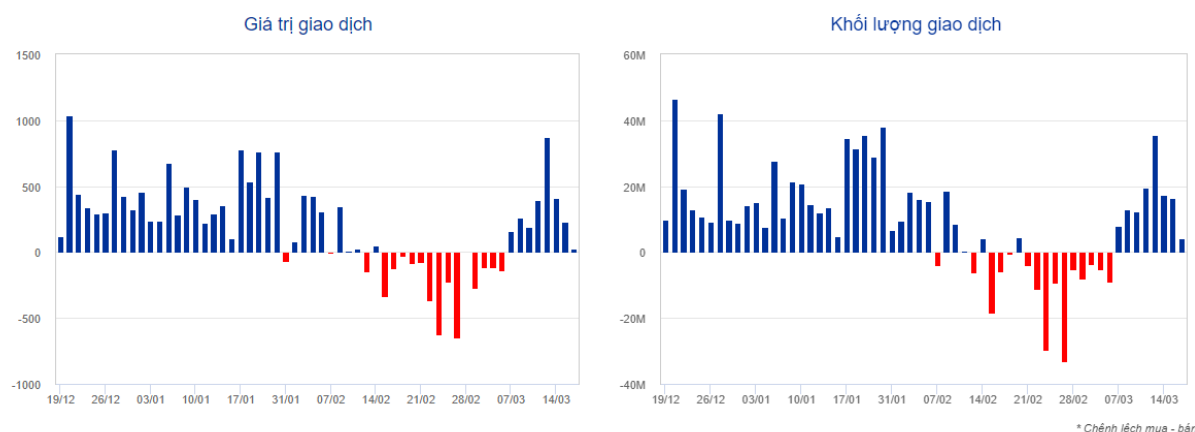
BÁN BUÔN -2.71%	BẢO HIỂM -0.97%	BẤT ĐỘNG SẢN -1.50%	CHỨNG KHOÁN -1.39%	CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN -1.44%
BÁN LẺ -1.61%	CHĂM SÓC SỨC KHỎE -0.90%	Khai khoáng -2.63%	Ngân hàng -1.29%	NÔNG - LÂM - NGƯ -1.45%
SX THIẾT BỊ, MÁY MÓC -0.43%	SX HÀNG GIA DỤNG -1.36%	SẢN PHẨM CAO SU -0.24%	SX NHỰA - HÓA CHẤT -1.74%	THỰC PHẨM - ĐỒ UỐNG -0.55%
CHẾ BIẾN THỦY SẢN -1.54%	VẬT LIỆU XÂY DỰNG -2.01%	TIỆN ÍCH -1.59%	VẬN TẢI - KHO BÃI -1.94%	XÂY DỰNG -1.39%
DỊCH VỤ LƯU TRỮ, ĂN UỐNG, GIẢI TRÍ -0.58%	SX PHỤ TRỢ -0.85%	THIẾT BỊ ĐIỆN -1.50%	DỊCH VỤ TƯ VẤN, HỖ TRỢ -0.70%	TÀI CHÍNH KHÁC -2.24%



2.1.5. Tổng quan giao dịch của khối ngoại

Thống kê giá trị và khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo dòng thời gian, giúp bạn có thể nhìn nhanh về dòng tiền mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Việt Nam.

Giao dịch của NĐTNN



2.2. Vĩ mô

Với góc nhìn đi từ toàn cảnh nền kinh tế đến chi tiết từng doanh nghiệp, [Vĩ mô](#) là thông tin được sắp xếp đầu tiên (từ trái qua) trên giao diện trang chủ.



VN-Index 1,268.83 -24.84 -1.92%
 HNX-Index 301.77 -4.2 -1.37%
 VS 100 519.37 -11.97 -2.25%

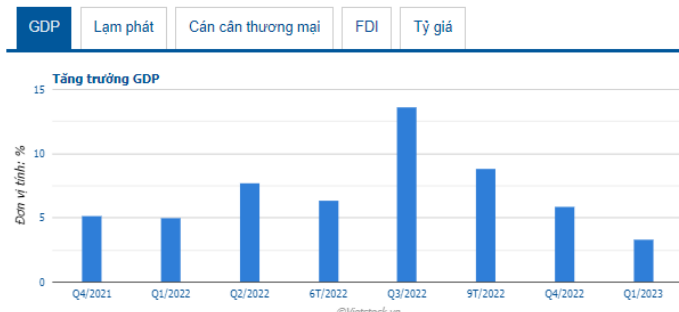
VN30F1M 1,063.10 -6.9 -0.64%
 Dầu 72.17 0.26 0.36%
 Spot Gold 1,802.28 -4.61 -0.26%

11:37 Nhiều gã khổng lồ cân nhắc mua lại danh mục cho vay của SVB
 11:36 Nhiều gã khổng lồ cân nhắc mua lại danh mục cho vay của SVB

VÍ MÔ THỊ TRƯỜNG - NGÀNH - DOANH NGHIỆP - PHẢI SINH - CÔNG CỤ ĐẦU TƯ - TRUY XUẤT DỮ LIỆU -

Ví mô

Thích 0 Chia sẻ Phân hồi về dữ liệu Mua dữ liệu Hướng dẫn sử dụng



Tổng quan GDP CPI Sản xuất công nghiệp Bán lẻ Xuất - Nhập khẩu FDI Tín dụng Tỷ giá - Lãi suất Dân số và lao động

Tại đây bạn sẽ khám phá toàn diện nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam mọi lĩnh vực gồm:

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP - Gross Domestic Product)
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index)
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP - Index of Industrial Production)
- Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
- Xuất nhập khẩu hàng hóa
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI - Foreign Direct Investment)
- Tín dụng: Tổng phương tiện thanh toán, Dư nợ tín dụng
- Tỷ giá - lãi suất: Tỷ giá trung tâm, lãi suất liên ngân hàng
- Dân số và lao động.

Với các dữ liệu này, bạn có thể nhanh chóng tiếp cận thông tin với các biểu đồ trực quan sinh động, linh hoạt lọc theo kỳ công bố (ngày/tháng/năm) và theo thời gian của từng lĩnh vực, xuất dữ liệu ra file excel để tùy biến sử dụng thêm theo nhu cầu cá nhân.

2.3. Ngành

Chi tiết hơn vào từng ngành của nền kinh tế, VietstockFinance cung cấp cho bạn thông tin về mỗi ngành nghề dưới góc nhìn từ thị trường chứng khoán.

Bạn có thể tìm thấy thông tin chỉ số chứng khoán đại diện cho từng ngành cũng mức độ tăng giảm theo thời gian, đi kèm đó là thông tin tổng khối lượng, giá trị giao dịch và nước ngoài mua bán các cổ phiếu trong từng ngành.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Ngành >> [Chỉ số ngành](#)**:

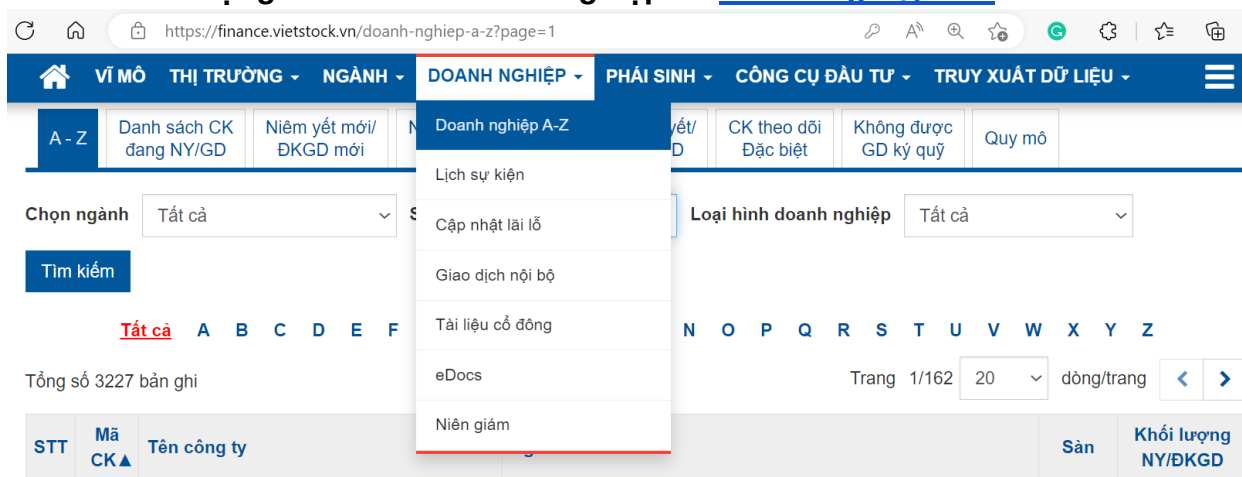
VÍ MÔ	THỊ TRƯỜNG	NGÀNH	DOANH NGHIỆP	PHÁI SINH	CÔNG CỤ ĐẦU TƯ	TRUY XUẤT DỮ LIỆU
Chỉ số ngành	Thích 90	Chia sẻ	Phản hồi về dữ liệu	Mua dữ liệu		
VS-SECTOR	Mặc định	Giảm dần	Tăng dần			
SẢN PHẨM CAO SU	SX THIẾT BỊ, MÁY MÓC	KHAI KHOÁNG	SX HÀNG GIA DỤNG	NGÂN HÀNG		
-1.35%	-0.37%	-0.35%	-0.26%	-0.17%		
SX PHỤ TRỢ	BẢO HIỂM	CHĂM SÓC SỨC KHỎE	CHỨNG KHOÁN	CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN		
-0.16%	-0.11%	-0.07%	-0.04%	0.02%		
BẤT ĐỘNG SẢN	XÂY DỰNG	TIỆN ÍCH	DỊCH VỤ TƯ VẤN, HỖ TRỢ	THỰC PHẨM - ĐỒ UỐNG		
0.03%	0.12%	0.17%	0.28%	0.39%		

2.4. Doanh nghiệp

2.4.1. Thống kê danh sách doanh nghiệp A-Z

Doanh nghiệp A-Z thống kê danh sách đầy đủ các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, HNX, đăng ký giao dịch trên UPCOM và cả các doanh nghiệp chưa niêm yết theo nhiều đặc tính của chứng khoán.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> [Doanh nghiệp A-Z](#)



Doanh nghiệp A-Z cung cấp danh sách mã từ đầy đủ (A-Z) đến chi tiết từng đặc tính của chứng khoán: Đang niêm yết, Niêm yết mới, Hủy niêm yết, Theo dõi đặc biệt, Không được giao dịch ký quỹ, Quy mô niêm yết.

https://finance.vietstock.vn/doanh-nghiep-a-z?page=1

Vietstock (VN | EN) VietstockFinance (VN | EN) Đầu trường chứng khoán Diễn đàn IR Awards Dịch vụ Vietstock 🔔 3



Thứ Hai, 17/04/2023 | 10:01:51 AM

Việt Nam Singapore Tokyo
Sydney New York London

VN-Index	1,049.78	-3.11 ↓	-0.3%
HNX-Index	206.85	-0.41 ↓	-0.2%
VS 100	506.90	-1.83 ↓	-0.36%
VN30F1M	1,059.00	-4.1 ↓	-0.39%
Dầu	82.59	0.07 ↑	0.08%
Spot Gold	2,004.08 USD ~ 54.97 trđ		

Mới nhất Tiêu điểm Đọc nhiều

09:37 Giá vàng hôm nay 17/4: Áp lực bán tháo, vàng vẫn neo cao

09:36 Nhịp đập Thị trường 17/04: Khởi đầu kém sắc

09:31 Ngân hàng lên kế hoạch kinh doanh 2023 ra sao?

09:26 Tiếp cận tín dụng là khó khăn hàng đầu của doanh nghiệp

09:08 ĐHĐCĐ BMI: Mục tiêu lợi nhuận 2023 đạt 375 tỷ đồng, tã...

VIỆTSTOCK refresh always

Vĩ mô Thị trường - Ngành - **DOANH NGHIỆP** - Phái sinh - Công cụ đầu tư - Truy xuất dữ liệu -

Doanh nghiệp / Doanh nghiệp A-Z / A-Z

Thích 209 Chia sẻ Phản hồi về dữ liệu Mua dữ liệu

A-Z Danh sách CK đang NY/GD Niêm yết mới/ĐKGD mới Niêm yết bổ sung/ĐKGD bổ sung Hủy Niêm yết/Hủy ĐKGD CK theo dõi Đặc biệt Không được GD ký quỹ Quy mô

Chọn ngành Sản giao dịch Loại hình doanh nghiệp

Tất cả A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

Tổng số 3228 bản ghi Trang 1/162 20 dòng/trang < >

STT	Mã CK ▲	Tên công ty	Ngành	Sản	Khối lượng NY/ĐKGD
1	A32	CTCP 32	Sản xuất các sản phẩm da và liên quan	UPCoM	6,800,000
2	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	Sản xuất các sản phẩm nhựa và cao su	HOSE	296,759,974
3	AAM	CTCP Thủy sản Mekong	Sản xuất thực phẩm	HOSE	12,346,411

2.4.2. Chi tiết thông tin của từng doanh nghiệp

Để truy cập vào trang chi tiết doanh nghiệp, bạn thực hiện một trong các cách sau:

- Click vào ô tìm kiếm trên VietstockFinance hoặc Vietstock >> Nhập mã CK
- Vào **Doanh nghiệp A-Z** >> Click vào Mã CK
- Bất cứ nơi nào trên Vietstock có Mã CK gắn link > Click vào link Mã CK

Thông tin Chi tiết doanh nghiệp trình bày được chia thành các nhóm:

- Tổng quan - Thống kê giao dịch - Phân tích kỹ thuật	- Tài chính - Hồ sơ doanh nghiệp - Tin tức & Sự kiện	- DN cùng ngành - Tài liệu - Giao dịch nội bộ
---	--	---

Thông tin chung về cổ phiếu:

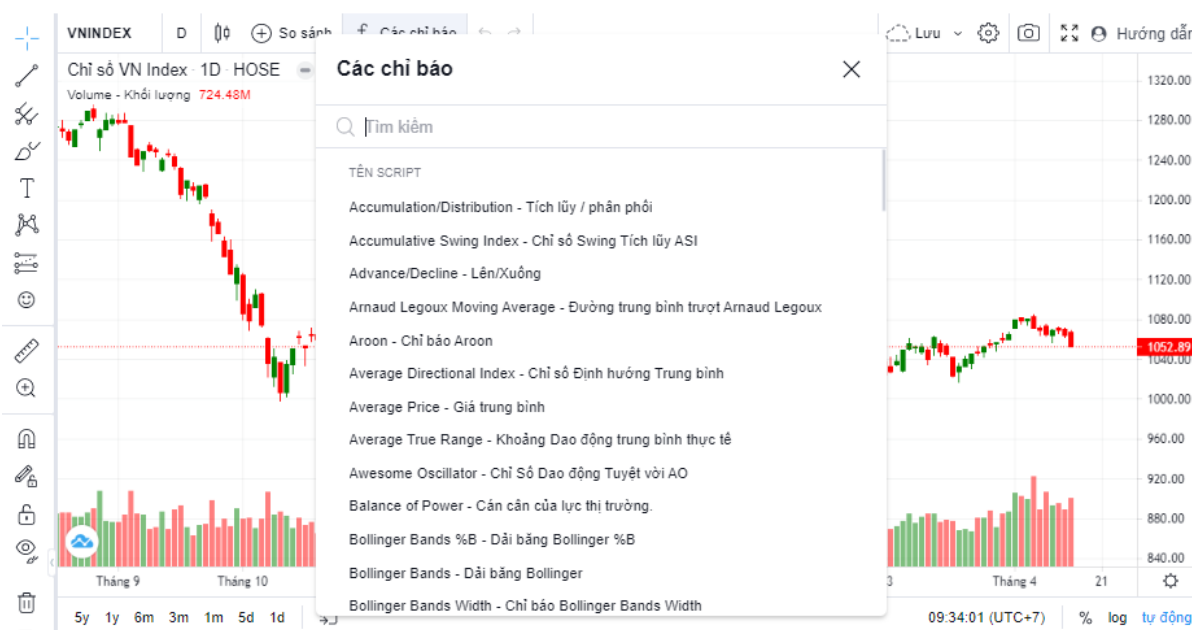
- Tên cổ phiếu và phân ngành (gồm 3 cấp theo Hệ thống phân ngành VS-Sector 2.0).
- Thông tin: Giao dịch ký quỹ, thuộc rổ FTSE Vietnam ETF/VNM ETF/VN30/HNX30
- Giá realtime, các chỉ số realtime/theo ngày và
- Biểu đồ giá chứng khoán.
- Logo và thông tin tóm tắt về doanh nghiệp.

Tổng quan: Tóm tắt thông tin quan trọng về Thống kê giao dịch, Tài chính, Chỉ tiêu kế hoạch, Sự kiện cổ tức, thưởng, phát hành thêm, Doanh nghiệp cùng ngành, Báo cáo phân tích, Tỷ lệ cho vay ký quỹ, Tài liệu cổ đông, Thông tin cơ bản.

Thống kê giao dịch: Cung cấp các thông tin:

- Chi tiết khớp lệnh theo lô trong ngày: dữ liệu và biểu đồ.
- Dữ liệu giao dịch khớp lệnh, thỏa thuận, nước ngoài theo ngày.
- Biến động giá giao dịch.
- Khối lượng giao dịch bình quân.
- Thống kê theo kỳ: Tháng/Quý/Năm.

Phân tích kỹ thuật: là biểu đồ phân tích giá, khối lượng, các chỉ báo phân tích kỹ thuật.



Tài chính:

Những con số tài chính doanh nghiệp được trực quan hóa thông qua các biểu đồ, dữ liệu tài chính được [nâng cấp toàn diện](#) với nhiều tùy chọn để phân tích, bao gồm các thông tin: Biểu đồ, BCTC tóm tắt, Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ, Chỉ số tài chính, Chỉ tiêu kế hoạch.

a. Biểu đồ: Công cụ phân tích sức khỏe tài chính của doanh nghiệp.

- Trang mặc định hiển thị sẵn 9 biểu đồ, thể hiện sự thay đổi sức khỏe tài chính của doanh nghiệp theo thời gian một cách trực quan: Tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận, biên lợi nhuận, định giá, dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản, nguồn vốn, cấu trúc tài sản.
- Nhà đầu tư có thể cá nhân hóa các biểu đồ theo nhu cầu riêng; vẽ mới các biểu đồ với các chỉ tiêu, màu sắc hay số kỳ tùy chọn.

Các thao tác với Biểu đồ

- Thêm trang biểu đồ mới: Click dấu + để tạo thêm trang
- Thêm biểu đồ vào trang
 - ❖ Bước 1: Vào **Danh mục biểu đồ** chọn biểu đồ có sẵn
 - ❖ Bước 2: Click **Cập nhật vào trang** để đưa biểu đồ vào trang hiện hành.

DANH MỤC BIỂU ĐỒ
X

Tất cả Vietstock Cá nhân
[+ Tạo biểu đồ mới](#)

Đang chọn 9 biểu đồ

☒ Tăng trưởng doanh thu [Quý]

☒ Biên lợi nhuận [Quý]

☒ Dòng tiền [Quý]

☒ Tài sản [Năm]

☒ Cấu trúc tài sản [Năm]

☒ Tăng trưởng lợi nhuận [Quý]

☒ Định giá [Năm]

☒ Hiệu quả sử dụng vốn [Năm]

☒ Nguồn vốn [Năm]

Cập nhật vào trang

Cách tạo biểu đồ mới:

Tạo biểu đồ mới
← X

Thiết lập chỉ tiêu

Năm

▼

12

Kỳ

Nhập tên chart

Xem

|

Lưu

Tiền
Biểu đồ cột
[Màu]
[Xóa]

+

Thêm chỉ tiêu



- Bước 1: Vào trang biểu đồ
- Bước 2: Thiết lập cho biểu đồ
 - ❖ Chọn Kỳ Năm/Quý/6 tháng/9 tháng, chọn số kỳ
 - ❖ Thêm chỉ tiêu
 - ❖ Chọn loại biểu đồ, chọn màu sắc biểu đồ
 - ❖ Bấm Xem, nếu chưa ưng ý có thể lặp lại các bước trên,

Vietstock | VietstockFinance

14

- Bước 3: Nhập tên Biểu đồ, Bấm Lưu

Sửa trang:

- Bấm Sửa trang
- Thay đổi vị trí biểu đồ theo ý thích, xóa biểu đồ theo nhu cầu
- Lưu sửa đổi



b. BCTC Tóm tắt: Xem nhanh các chỉ tiêu chính trên Báo cáo tài chính và chỉ số tài chính của doanh nghiệp

c. Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ

Thông tin chi tiết về các bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ trong báo cáo tài chính với các tùy chọn:

- Số kỳ xem, Loại kỳ dữ liệu: Năm, Quý, 9 tháng, 6 tháng
- Đơn vị tính: Nghìn, Triệu, Tỷ đồng
- Thuộc tính kiểm toán: Đã kiểm toán, Soát xét, Chưa kiểm toán
- Thuộc tính hợp nhất: Hợp nhất, Công ty mẹ
- Loại niên độ: Năm tài chính, Năm dương lịch

Các thông tin về BCTC:

- Giai đoạn dữ liệu:
- Thông tin hợp nhất
- Thông tin kiểm toán
- Công ty kiểm toán
- Ý kiến kiểm toán

Xuất dữ liệu:

- Sao chép dữ liệu vào bộ nhớ tạm
- Xuất Excel

d. Chỉ số tài chính:

Cung cấp chỉ số tài chính của doanh nghiệp phân chia theo các nhóm chỉ số:

• Định giá • Sinh lợi • Tăng trưởng	• Thanh khoản • Hiệu quả hoạt động • Đòn bẩy tài chính	• Dòng tiền • Cơ cấu chi phí • Cơ cấu tài sản
---	--	---

e. Chỉ tiêu kế hoạch

Bạn có thể biết được doanh nghiệp đặt kế hoạch kinh doanh hàng năm, cập nhật tình hình đạt kế hoạch năm gần nhất ... ở ngay ngoài trang chi tiết của một MCK.

Chỉ tiêu kế hoạch



Tình hình thực hiện



Chỉ tiêu kế hoạch các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu kế hoạch	64,070,000	62,160,000	59,600,000	56,300,000
Lợi nhuận trước thuế kế hoạch	12,000,000	13,690,000	13,000,000	12,650,000

Ngoài ra, bạn có thể xuất dữ liệu của mã đang quan sát hoặc lựa chọn truy xuất nâng cao để có thể thu thập dữ liệu kế hoạch kinh doanh của nhiều mã quan tâm khác.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Truy xuất dữ liệu >> Tổng hợp doanh nghiệp >> Báo cáo tài chính >> Chỉ tiêu kế hoạch**

VĨ MÔ
 THỊ TRƯỜNG - NGÂN HÀNG - DOANH NGHIỆP - PHÁI SINH - CÔNG CỤ ĐẦU TƯ -
 TRUY XUẤT DỮ LIỆU

/ Truy xuất Dữ liệu / Tổng hợp doanh nghiệp

Mã CK

Nhóm

- + Sàn CK
- + Nhóm ngành
- + Loại hình doanh nghiệp

Đã chọn 30 Mã CK, 0 Chỉ tiêu

STT	Mã CK	Sản CK
1	ACB	HOSE
2	BCM	HOSE
3	BID	HOSE
4	BVH	HOSE
5	CTG	HOSE
6	FPT	HOSE
7	GAS	HOSE
8	GVR	HOSE
9	HDB	HOSE

Doanh thu kế hoạch

☒ Một kỳ
☒ Năm gần nhất
☐ Kỳ Năm 2023

☐ Chọn nhiều kỳ
 Từ năm 2023 Đến năm 2023
☐ Năm

Đơn vị tính: 1

Chọn thêm chỉ tiêu cùng loại

Chỉ tiêu chọn

- Doanh thu kế hoạch

Hồ sơ doanh nghiệp

VÍ MÔ

THỊ TRƯỜNG

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

PHÁI SINH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Tổng quan

Thống kê giao dịch

Phân tích kỹ thuật

Tài chính

Hồ sơ doanh nghiệp

Tin tức & Sự kiện

DN cùng ngành

Tài liệu

Giao dịch nội bộ

Ban lãnh đạo

#	Họ và tên	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Tuổi	Năm bắt đầu
1	Ông Phạm Quang Dũng CTHĐQT	1,416,034,154	29.92	50	2014
2	Ông Đỗ Việt Hùng TVHĐQT	1,062,022,476	22.44	53	N/A
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng TVHĐQT	2,896	0.00	49	2014
4	Ông Nguyễn Mỹ Hào TVHĐQT/Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	8,947	0.00	60	N/A
5	Ông Trương Gia Bình TVHĐQT	-	-	67	Độc lập

Niên yết

Ngày giao dịch đầu tiên	30/06/2009
Giá ngày GD đầu tiên	60,000
KL Niêm yết lần đầu	112,285,426
KL Niêm yết hiện tại	4,732,516,571
KL Cổ phiếu đang lưu hành	4,732,516,571
Tư vấn niêm yết	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Khác: VCBSS)

Cổ đông lớn

#	Tên cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ngày cập nhật
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2,774,353,387	74.80	31/12/2021
2	Mizuho Bank. Ltd	556.334.933	15	31/12/2021

Cơ cấu sở hữu

CD khác
CD Nhà nước
CD chiến lược

Hồ sơ doanh nghiệp bao gồm các thông tin:

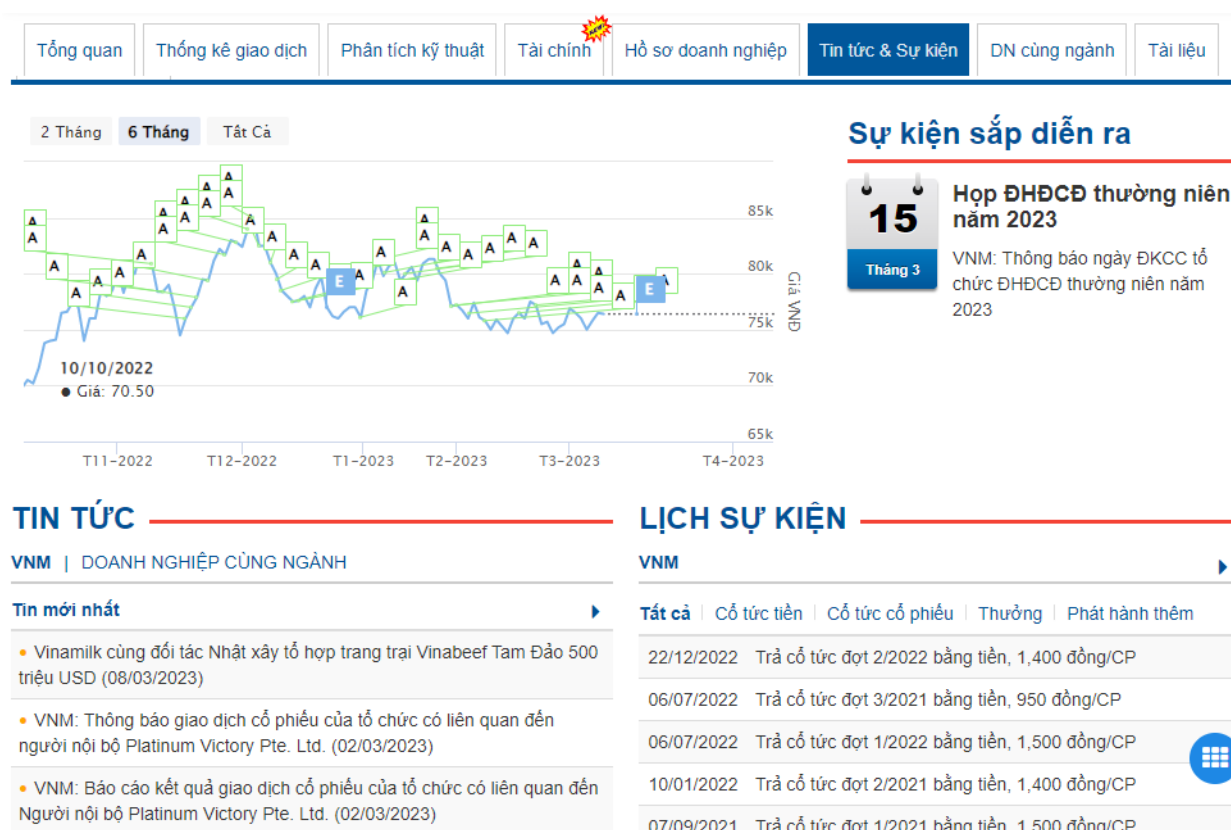
- Ban lãnh đạo
- Cổ đông lớn
- Công ty con, liên kết
- Vị thế
- Chiến lược
- Dự án
- Triển vọng
- Rủi ro kinh doanh
- Sản phẩm dịch vụ

- Thông tin niêm yết
- Cơ cấu sở hữu
- Tổ chức kiểm toán
- Thay đổi vốn điều lệ
- Đại diện pháp luật
- Đại diện công bố thông tin
- Cơ cấu lao động
- Thông tin thành lập

Tin tức & sự kiện

Mục Tin tức & Sự kiện cung cấp toàn diện các Tin tức và Sự kiện đáng chú ý của doanh nghiệp kèm thêm biểu đồ trực quan thể hiện giá cổ phiếu cùng mốc đánh dấu các sự kiện cổ tức, phát hành... của từng công ty.

Trong đó, Tin tức được phân loại chuyên nghiệp với nhiều lựa chọn theo từng mã cổ phiếu hoặc doanh nghiệp cùng ngành, theo các chuyên mục Kết quả - Kế hoạch kinh doanh, Cổ tức, Giao dịch cổ đông... Tương tự Lịch sự kiện cũng được phân loại khoa học theo từng loại của một doanh nghiệp (cổ tức tiền mặt, cổ tức cổ phiếu, phát hành, đại hội...) hoặc xem nhanh cho nhiều doanh nghiệp trong cùng ngành.



Doanh nghiệp cùng ngành

Thông tin so sánh về các doanh nghiệp trong cùng ngành với MCK đang xem, có thể linh hoạt lựa chọn các tiêu chí:

- Sàn giao dịch
- Thời gian (chọn ngày dữ liệu)
- Tiêu chí về Giá đóng cửa/Cao nhất/Thấp nhất... lớn hơn/nhỏ hơn mức nào đó
- Xem dạng bảng hoặc Xem biểu đồ tần suất
- Chọn số dòng hiển thị

Tổng quan	Thống kê giao dịch	Phân tích kỹ thuật	Tài chính	Hồ sơ doanh nghiệp	Tin tức & Sự kiện	DN cùng ngành	Tài liệu	Giao dịch nội bộ
-----------	--------------------	--------------------	-----------	--------------------	-------------------	----------------------	----------	------------------

Sản giao dịch: HOSE & HNX (20 doanh nghiệp cùng ngành)

Đóng cửa: Lớn hơn 20000 VND

☒ Xem Dạng Bảng
 ☐ Xem Biểu Đồ Tầm Suất
 [Xem](#)

Dữ liệu ngày: 17/04/2023

5

Mã CK ▲	Đóng cửa	+/- %	Cao nhất	Thấp nhất	Khối lượng	Giá trị	KL NĐTNN Mua	KL NĐTNN Bán	Vốn hóa TT	P/E	P/B
VCB	88,300	-0.11	88,500	87,800	93,200	8,215,000,000	43,500	59,780	417,881,213,219,300	15.19	3.08
ACB	24,900	-0.2	24,950	24,800	407,700	10,143,000,000	0	0	84,098,133,840,600	6.23	1.44
BID	44,600	0.34	44,700	44,400	176,200	7,846,000,000	36,900	48,696	225,610,162,193,600	14.22	2.17
CTG	28,950	-0.52	29,100	28,800	331,200	9,585,000,000	38,000	73,700	139,126,480,130,550	8.34	1.29
SSB	31,150	-0.48	31,350	31,150	165,000	5,152,000,000	0	0	63,555,291,048,200	16.57	2.42

Tài liệu

Tài liệu được phân loại theo: Loại tài liệu (Báo cáo tài chính, Nghị quyết HĐQT, Giải trình KQKD, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên, Nghị quyết ĐHCĐ, Tài liệu ĐHCĐ, Bản cáo bạch, Tỷ lệ vốn khả dụng, Tài liệu khác) và Kỳ báo cáo (Năm cụ thể).

VÍ MÔ	THỊ TRƯỜNG	NGÀNH	DOANH NGHIỆP	PHÁI SINH	CÔNG CỤ ĐẦU TƯ	TRUY XUẤT DỮ LIỆU
-------	------------	-------	---------------------	-----------	----------------	-------------------

Tổng quan	Thống kê giao dịch	Phân tích kỹ thuật	Tài chính	Hồ sơ doanh nghiệp	Tin tức & Sự kiện	DN cùng ngành	Tài liệu	Giao dịch nội bộ
-----------	--------------------	--------------------	-----------	--------------------	-------------------	---------------	-----------------	------------------

Loại tài liệu

- ☒ Tất cả
- ☐ Báo cáo tài chính
- ☐ Nghị quyết HĐQT
- ☐ Giải trình KQKD
- ☐ Báo cáo quản trị
- ☐ Báo cáo thường niên
- ☐ Nghị quyết ĐHCĐ
- ☐ Tài liệu ĐHCĐ
- ☐ Bản cáo bạch
- ☐ Tỷ lệ vốn khả dụng
- ☐ Khác

Kỳ báo cáo

⏪ ⏴ ⏵ ⏩

Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ thường niên cho năm 2023
Nghị quyết HĐQT về việc góp vốn thành lập công ty con
Nghị quyết HĐQT về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng/giao dịch với bên CLQ năm 2023
Báo cáo tình hình quản trị năm 2022
Nghị quyết HĐQT về việc hợp tác VHM và VMI
Nghị quyết HĐQT số 17/2022 ngày 31/08/2022
Nghị quyết HĐQT về việc góp vốn thành lập công ty con
Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt và thông báo chốt DSCĐ
Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022
Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT và miễn nhiệm, bổ nhiệm TGD
Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc
Tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2022
Nghị quyết HĐQT về việc lùi thời gian họp ĐHCĐ thường niên năm 2022
Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2022

Giao dịch nội bộ: Bao gồm thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, giao dịch của người có liên quan, giao dịch cổ đông lớn và giao dịch cổ phiếu quỹ.

https://finance.vietstock.vn/VHM/giao-dich-noi-bo.htm?page=1&code=VHM&from=2021-02-07&to=2...

VÍ MÔ

THỊ TRƯỜNG

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

PHÁI SINH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Tổng quan

Thống kê giao dịch

Phân tích kỹ thuật

Tài chính

Hồ sơ doanh nghiệp

Tin tức & Sự kiện

DN cùng ngành

Tài liệu

Giao dịch nội bộ

Tất cả

Giao dịch cổ đông nội bộ

Giao dịch của người có liên quan

Giao dịch cổ đông lớn

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Từ ngày

07/02/2021

Đến ngày

07/04/2023

Xem

Trang 1/1

20

dòng/trang

STT	Mã CK	Loại GD	Người thực hiện		Người liên quan tại tổ chức NY			Trước GD		Đang ký		Thực hiện			
			Họ và tên	Chức vụ	Họ và tên	Chức vụ	Quan hệ	KL	%	KLGD	Từ ngày	Đến ngày	KLGD	Từ ngày	Đến ngày
1	VHM	GD CD lớn	Government of Singapore										612,000	01/06/2022	01/06/2022
2	VHM	GD của người liên quan	VIKING ASIA HOLDINGS II Pte Ltd		Ashish Jaiprakash Shastry	TV HĐQT		185,840,000	5.50	-31,964,480	19/08/2021	17/09/2021	-31,964,480	19/08/2021	14/09/2021
3	VHM	GD cổ phiếu quỹ	Blank					60,000,000		-60,000,000	26/07/2021	24/08/2021	-60,000,000	26/07/2021	11/08/2021
4	VHM	GD của người liên quan	Công ty TNHH SX và KD VINFAST		Phạm Nhật Vượng	TV HĐQT		89,804,000	2.68	-89,804,000	22/04/2021	21/05/2021	-89,804,000	26/04/2021	26/04/2021

2.4.3. Lịch sự kiện cổ tức, đại hội...

Lịch sự kiện thống kê sự kiện doanh nghiệp của tất cả các mã chứng khoán trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM bao gồm Niêm yết; Cổ tức, thưởng và phát hành thêm; Đại hội đồng cổ đông, Giao dịch nội bộ..

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> **Lịch sự kiện**

https://finance.vietstock.vn/lich-su-kien.htm?page=1

VÍ MÔ **THỊ TRƯỜNG** **NGÀNH** **DOANH NGHIỆP** **PHÁI SINH** **CÔNG CỤ ĐẦU TƯ** **TRUY XUẤT DỮ LIỆU**

Doanh nghiệp / Lịch sự kiện

Thích 797 Chia sẻ Phản hồi về dữ liệu

Niêm yết | **Cổ tức, thưởng và phát hành thêm**

Tất cả | Trả cổ tức bằng tiền mặt | Thưởng cổ phiếu

Mã CK Sàn Từ ngày

Doanh nghiệp A-Z
Lịch sự kiện
 Cập nhật lỗi
 Giao dịch nội bộ
 Tài liệu cổ đông
 eDocs
 Niên giám

Phát hành thêm

17/05/2023 Xem

Trang 1/4 20 dòng/trang

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TB8	UPCoM	05/05/2023	08/05/2023	22/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	UEM	UPCoM	04/05/2023	05/05/2023	24/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

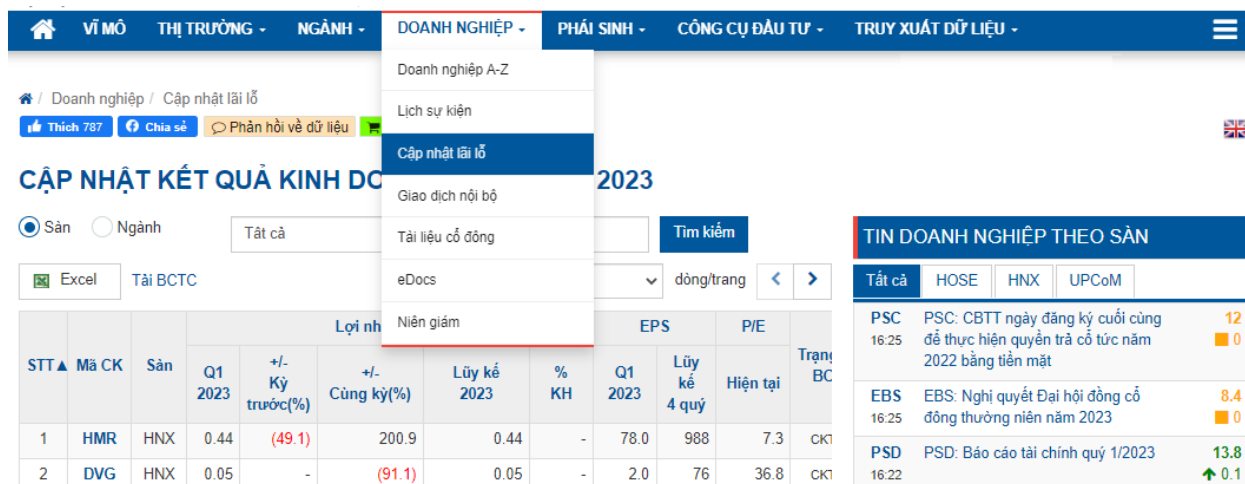
Tại đây có thể tùy chọn:

- Loại sự kiện: Niêm yết; Cổ tức, thưởng và phát hành thêm; Đại hội cổ đông, Giao dịch nội bộ
- Mã CK chi tiết hoặc Sàn
- Thời gian tra cứu

2.4.4. Cập nhật kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kỳ mới nhất

Thống kê nhanh lãi lỗ trong kết quả kinh doanh tại kỳ báo cáo tài chính gần nhất của các doanh nghiệp. Có thể linh hoạt chọn Sàn, Ngành hoặc chi tiết MCK đang quan tâm.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> [Cập nhật lãi lỗ](#)



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

Sàn: ☒ Sàn ☐ Ngành Tất cả

STT	Mã CK	Sàn	Q1 2023	+/- Kỳ trước(%)	+/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 2023	% KH	Q1 2023	Lũy kế 4 quý	P/E	Trạng BC
1	HMR	HNX	0.44	(49.1)	200.9	0.44	-	78.0	988	7.3	CKT
2	DVG	HNX	0.05	-	(91.1)	0.05	-	2.0	76	36.8	CKT

TIN DOANH NGHIỆP THEO SÀN

Tất cả HOSE HNX UPCoM

PSC 16:25	PSC: CBTT ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt	12 0
EBS 16:25	EBS: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	8.4 0
PSD 16:22	PSD: Báo cáo tài chính quý 1/2023	13.8 0.1

2.4.5. Tài liệu cổ đông

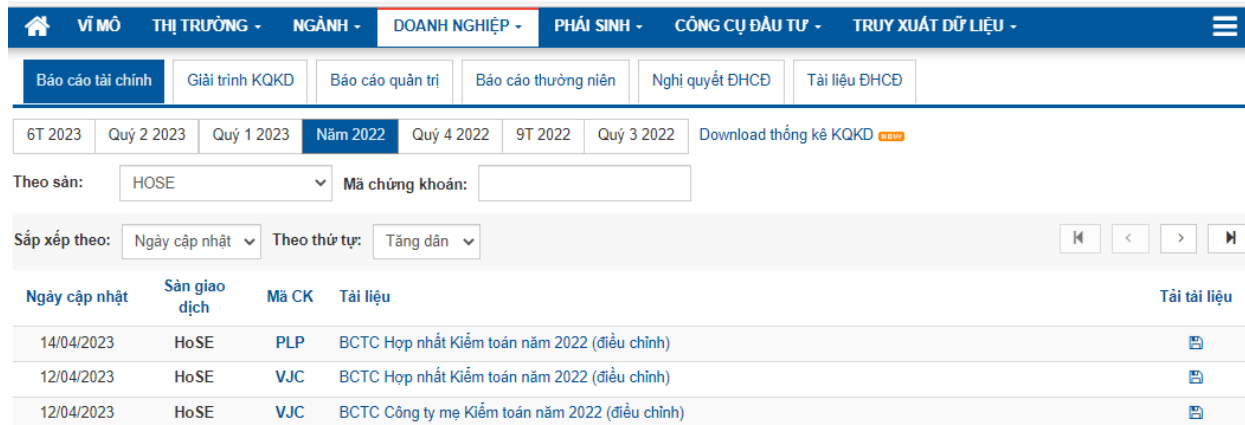
Tài liệu đại hội cổ đông có thể lựa chọn loại báo cáo, kỳ thời gian, sàn/MCK:

- Báo cáo tài chính
- Giải trình KQKD

- Báo cáo quản trị
- Báo cáo thường niên

- Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Tài liệu ĐHĐCĐ

<https://finance.vietstock.vn/tai-lieu-co-dong.htm?termid=1&period=2022>



Tài liệu cổ đông

Báo cáo tài chính Giải trình KQKD Báo cáo quản trị Báo cáo thường niên Nghị quyết ĐHĐCĐ Tài liệu ĐHĐCĐ

6T 2023 Quý 2 2023 Quý 1 2023 **Năm 2022** Quý 4 2022 9T 2022 Quý 3 2022

Theo sản: Mã chứng khoán:

Sắp xếp theo: Ngày cập nhật Theo thứ tự: Tăng dần

Ngày cập nhật	Sàn giao dịch	Mã CK	Tài liệu	Tải tài liệu
14/04/2023	HoSE	PLP	BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2022 (điều chỉnh)	Tải
12/04/2023	HoSE	VJC	BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2022 (điều chỉnh)	Tải
12/04/2023	HoSE	VJC	BCTC Công ty mẹ Kiểm toán năm 2022 (điều chỉnh)	Tải

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> [Tài liệu cổ đông](#)

2.5. Chứng khoán phái sinh

2.5.1. Hợp đồng tương lai (Futures, HĐTL)

a. Tổng quan:

VĨ MÔ

THỊ TRƯỜNG

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

PHÁI SINH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Hợp đồng tương lai

Chứng quyền

ETF

Tổng quan

Thống kê giao dịch

Kiến thức / Quy định

Mã công ty

Ngành

Phái sinh / Hợp đồng tương lai

Thích 44

Chia sẻ

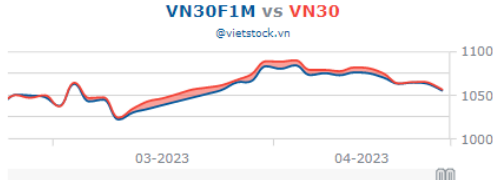
Phản hồi về dữ liệu

Mua dữ liệu

Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

Phương thức giao dịch	Tổng KLGD	Tổng GTGD	OI
Khớp lệnh định kỳ mở cửa	1,113	118	
Khớp lệnh liên tục	127,885	13,561	
Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	8,014	845	
Giao dịch thỏa thuận	10	1	
Giao dịch toàn thị trường	137,022	14,525	57,609

GTGD: tỷ đồng Ngày giao dịch: 19/04/2023



VN30F1M vs VN30
@vietstock.vn

03-2023 04-2023

VN30F1M | VN30F2M

Danh sách hợp đồng

Trang 1/8

10

dòng/trang

<

>

STT	Mã HĐ	Tên hợp đồng	Giá	Thay đổi	Tháng ĐH	Ngày GDBT	Ngày GDCC	Ngày TTCC	Trạng thái
1	VN30F1M	HĐTL chỉ số VN30 01 tháng	1,055.0	-8 (-0.75%)	04/2023	10/08/2017	20/04/2023	21/04/2023	Bình thường

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh** >> **Hợp đồng tương lai** >> [Tổng quan](#)

Tab Tổng quan cung cấp thông tin chung về hợp đồng tương lai chỉ số VN30, gồm:

- Tổng hợp giao dịch và biểu đồ VN30F1M và VN30
- Danh sách hợp đồng tương lai
- Cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số VN30
- Tin tức thị trường chứng khoán phái sinh
- Tin tức về các cổ phiếu trong rổ VN30
- Các thông tin/đặc điểm của hợp đồng tương lai chỉ số VN30
- Thị phần môi giới

VĨ MÔ

THỊ TRƯỜNG

NGÀNH

DOANH NGHIỆP

PHÁI SINH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Hợp đồng tương lai

Chứng quyền

ETF

Tổng quan

Thống kê giao dịch

Kiến thức / Quy định

Mã công ty

Ngành

Phái sinh / Hợp đồng tương lai

Thích 44

Chia sẻ

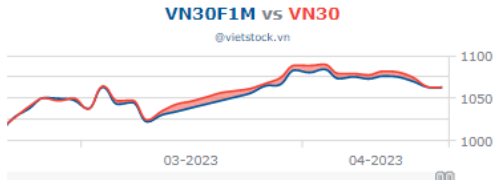
Phản hồi về dữ liệu

Mua dữ liệu

Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

Phương thức giao dịch	Tổng KLGD	Tổng GTGD	OI
Khớp lệnh định kỳ mở cửa	1,356	144	
Khớp lệnh liên tục	120,645	12,808	
Khớp lệnh định kỳ đóng cửa			
Giao dịch thỏa thuận			
Giao dịch toàn thị trường	122,001	12,952	59,501

GTGD: tỷ đồng Ngày giao dịch: 17/04/2023



VN30F1M vs VN30
@vietstock.vn

03-2023 04-2023

VN30F1M | VN30F2M

Danh sách hợp đồng

Trang 1/8

10

dòng/trang

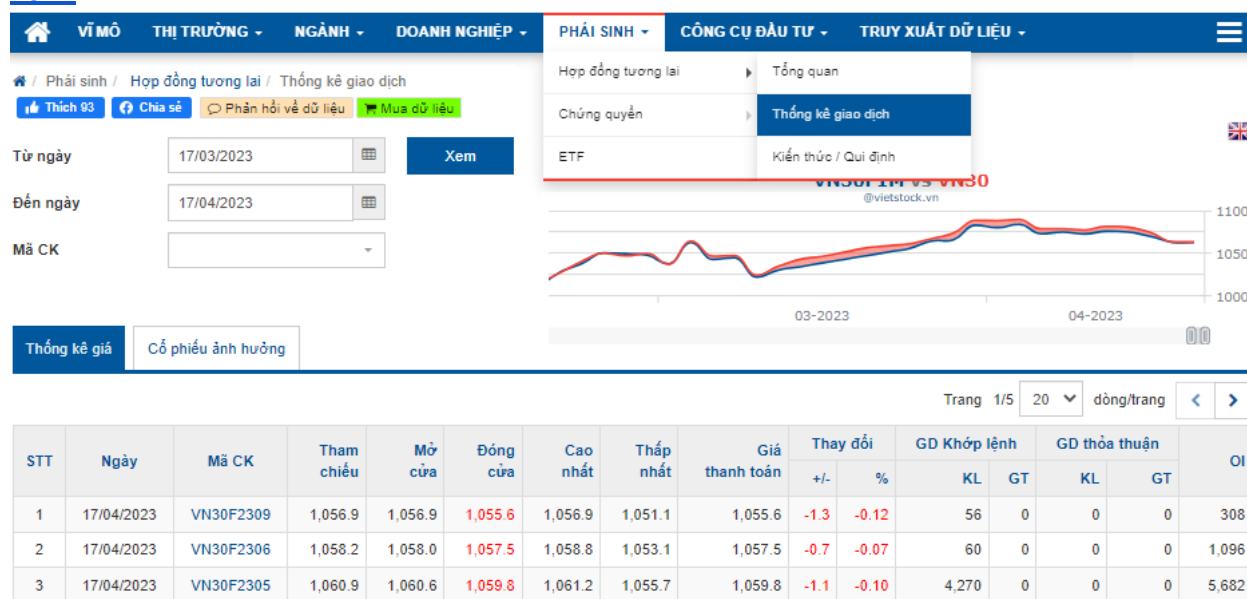
<

>

STT	Mã HĐ	Tên hợp đồng	Giá	Thay đổi	Tháng ĐH	Ngày GDBT	Ngày GDCC	Ngày TTCC	Trạng thái
1	VN30F1M	HĐTL chỉ số VN30 01 tháng	1,062.5	-0.6 (-0.06%)	04/2023	10/08/2017	20/04/2023	21/04/2023	Bình thường
2	VN30F2M	HĐTL chỉ số VN30 02 tháng	1,059.5	-1.4 (-0.13%)	05/2023	10/08/2017	18/05/2023	19/05/2023	Bình thường

b. Thống kê giao dịch: Thống kê thông tin giao dịch của các mã HĐTL toàn thị trường theo thời gian được chọn.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >> [Thống kê giao dịch](#)**



c. Kiến thức/ Quy định

Kiến thức là kiến thức cơ bản về HĐTL bao gồm định nghĩa cơ bản, tài sản cơ sở, so sánh với chứng khoán cơ sở, quy trình giao dịch, hoạt động ký quỹ...

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >> [Kiến thức/Quy định](#)**

Kiến thức

Quy định



Kiến thức cơ bản về hợp đồng tương lai

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI LÀ GÌ ?

Hợp đồng tương lai (HĐTL) là một thỏa thuận được chuẩn hóa về việc mua và bán tài sản cơ sở tại một thời điểm nhất định trong tương lai với một giá xác định trước trong hiện tại



Quy định bao gồm quy định chi tiết về giao dịch HĐTL áp dụng tại thị trường Việt Nam:

Kiến thức

Quy định

STT	Đặc điểm	Mô tả chi tiết
1	Tên hợp đồng	Hợp đồng tương lai chỉ số VN30
2	Mã hợp đồng	Theo quy ước xác định của HNX, ví dụ VN30F1709
3	Tài sản cơ sở	Chỉ số VN30
4	Quy mô hợp đồng	100.000 đồng x điểm chỉ số VN30
5	Hệ số nhân hợp đồng	100,000 VND
6	Tháng đáo hạn	Tháng hiện tại, tháng kế tiếp, hai tháng cuối 02 quý tiếp theo. Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 4. Các tháng đáo hạn là tháng 4, tháng 5, tháng 6 và tháng 9.

d. Chi tiết MCK hợp đồng tương lai

Cách truy cập thông tin chi tiết của một mã HĐTL:

- Bấm chọn mã HĐTL cần xem tại Danh sách hợp đồng
- Tại ô tìm kiếm gõ tên mã HĐTL cần tra cứu

Thông tin chi tiết về một mã HĐTL bao gồm:

- Giá giao dịch và chỉ số realtime trong ngày (1)

- Biểu đồ giá (2)
- Thanh menu phân loại thông tin: Tổng quan, Thống kê giao dịch, Cổ phiếu ảnh hưởng, Phân tích kỹ thuật, Tin tức (3)

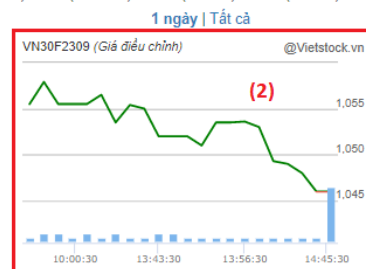
HĐTL chỉ số VN30 tháng 09/2023 (HNX: VN30F2309)

 Mã xem cùng VN30F2309: [VN30F2304](#) [VN30F2306](#) [VN30F2305](#) [VN30F1M](#) [BSI](#)

 Trending: [NVL](#) (131.777) - [DIG](#) (109.819) - [HPG](#) (92.784) - [CEO](#) (67.980) - [DGC](#) (52.506)

VN30 Index Futures September 2023

1,046.0 0.00 (0%) Đang giao dịch	Mở cửa	-	NN mua	-
	Cao nhất	-	NN bán	(1)
	Thấp nhất	-	Cao nhất NY	1,106.1
	KLGD	-	Thấp nhất NY	1,001.0
	OI	284	KL BQ NY	75
	Basis	-10.14	Beta	-



Tổng quan	Thống kê giao dịch	Cổ phiếu ảnh hưởng	Phân tích kỹ thuật	Tin tức
------------------	--------------------	--------------------	--------------------	---------

Thống kê giao dịch

Ngày	Mở cửa	Đóng cửa	Cao nhất	Thấp nhất	KL khớp	KL HĐ mở OI	Thay đổi
20/04/2023	-	1,046.0	-	-	0	284	0.00 (0%)
19/04/2023	1,055.5	1,046.0	1,057.9	1,046.0	41	273	-9.50 (-0.90%)

Thông tin cơ bản

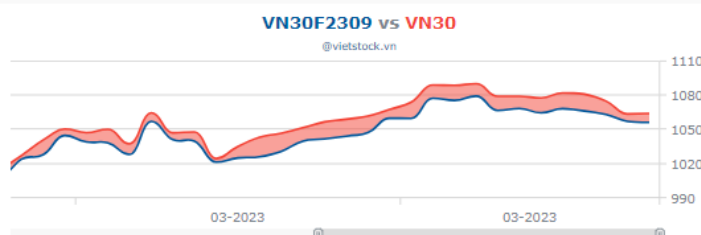
Tháng ĐH:	09/2023
Ngày GĐĐT:	27/01/2023
Ngày GDCC:	21/09/2023
Ngày TTCC:	22/09/2023

Tổng quan: Cung cấp thông tin chung về mã HĐTL gồm Thống kê giao dịch, Thông tin cơ bản, Danh sách hợp đồng đang hoạt động, Thị phần môi giới HĐTL, Tin tức.

Tổng quan	Thống kê giao dịch	Cổ phiếu ảnh hưởng	Phân tích kỹ thuật	Tin tức
------------------	--------------------	--------------------	--------------------	---------

Thống kê giao dịch

Ngày	Mở cửa	Đóng cửa	Cao nhất	Thấp nhất	KL khớp	KL HĐ mở OI	Thay đổi
17/04/2023	1,056.9	1,056.0	1,056.9	1,051.1	58	308	-0.90 (-0.09%)
14/04/2023	1,063.4	1,056.9	1,065.0	1,056.9	45	304	-5.60 (-0.53%)
13/04/2023	1,062.0	1,063.0	1,066.5	1,061.0	41	287	-3 (-0.28%)
12/04/2023	1,069.5	1,066.0	1,069.5	1,063.0	72	266	-2 (-0.19%)
11/04/2023	1,065.7	1,068.0	1,068.1	1,059.9	109	223	0.20 (0.02%)


Danh sách hợp đồng đang hoạt động

Ngày	Mã HĐ	Mở cửa	Đóng cửa	Cao nhất	Thấp nhất	KL khớp	KL HĐ mở OI	Thay đổi
17/04/2023	VN30F1M	1,062.4	1,062.8	1,064.8	1,057.8	123,361	52,415	-0.30 (-0.03%)

Thông tin cơ bản

Tháng ĐH:	09/2023
Ngày GĐĐT:	27/01/2023
Ngày GDCC:	21/09/2023
Ngày TTCC:	22/09/2023
Đơn vị giao dịch:	1 hợp đồng
Tài sản cơ sở:	Chỉ số VN30
Biên độ dao động giá:	+/-7%
Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày:	Theo quy định của TTLKCK
Phương thức thanh toán:	Thanh toán bằng tiền mặt
Bước giá/Đơn vị yết giá:	điểm chỉ số
Tỷ lệ ký quỹ ban đầu:	13% (Hiệu lực từ ngày 19/10/2018)
Giới hạn vị thế:	Số lượng HĐTL chỉ số VN30/HNX30 tối đa được nắm giữ trên 1 tài khoản
Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	20,000
Nhà đầu tư tổ chức	10,000
Nhà đầu tư cá nhân	5,000

Tin tức

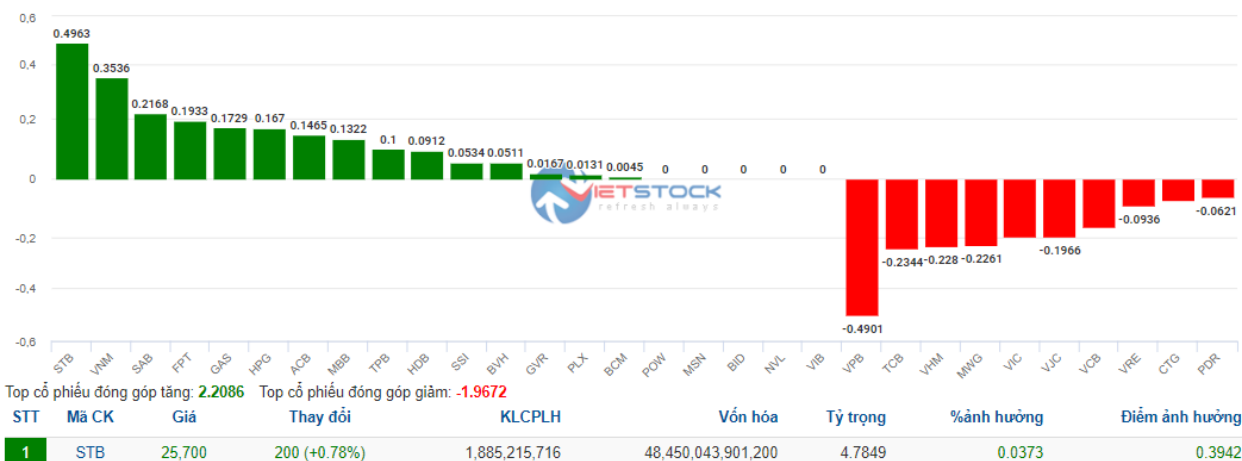
15/04/2023	Chứng khoán phải sinh Tuần 17-21/04/2023: Chờ đợi tín hiệu tuần đảo hạn phải sinh
------------	---

Thống kê giao dịch: Thống kê chi tiết dữ liệu giao dịch của mã HĐTL theo thời gian.

Cổ phiếu ảnh hưởng: Chi tiết thông tin các cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm điểm của chỉ số VN30, bao gồm dữ liệu cụ thể về tỷ trọng và % ảnh hưởng trong rổ.

Tổng quan | Thống kê giao dịch | **Cổ phiếu ảnh hưởng** | Phân tích kỹ thuật | Tin tức

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN30



Phân tích kỹ thuật: Linh hoạt lựa chọn mã HĐTL, các chỉ báo phân tích kỹ thuật, so sánh với mã HĐTL khác. Dữ liệu có thể được lưu và cá nhân hóa sử dụng.

Tổng quan | Thống kê giao dịch | Cổ phiếu ảnh hưởng | **Phân tích kỹ thuật** | Tin tức



Tin tức: Bao gồm tin tức về thị trường phái sinh và của các MCK nằm trong rổ VN30.

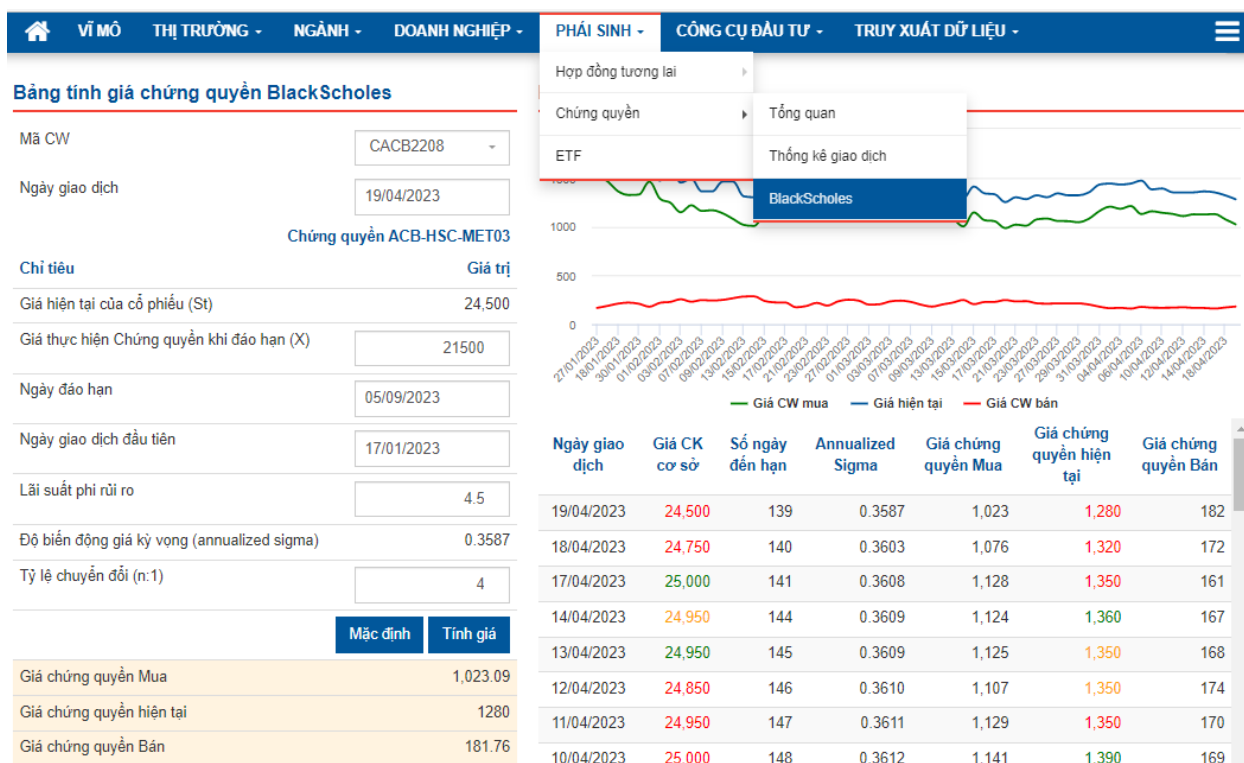
Tổng quan | Thống kê giao dịch | Cổ phiếu ảnh hưởng | Phân tích kỹ thuật | **Tin tức**

Tin tức	Tin tức VN30
19/04/2023 Chứng khoán phái sinh Ngày 20/04/2023: Chờ đợi tin hiệu ngày đáo hạn phái sinh	20/04/2023 10:01 GVR: Thông báo ngày ĐKCC tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023

2.5.2. Chứng quyền (Covered Warrants - CW)

a. Tổng quan: Tổng quan về thị trường chứng quyền gồm các thông tin sau:

- Thông tin thị trường Chứng quyền và bản đồ thị trường
- Danh sách các chứng quyền



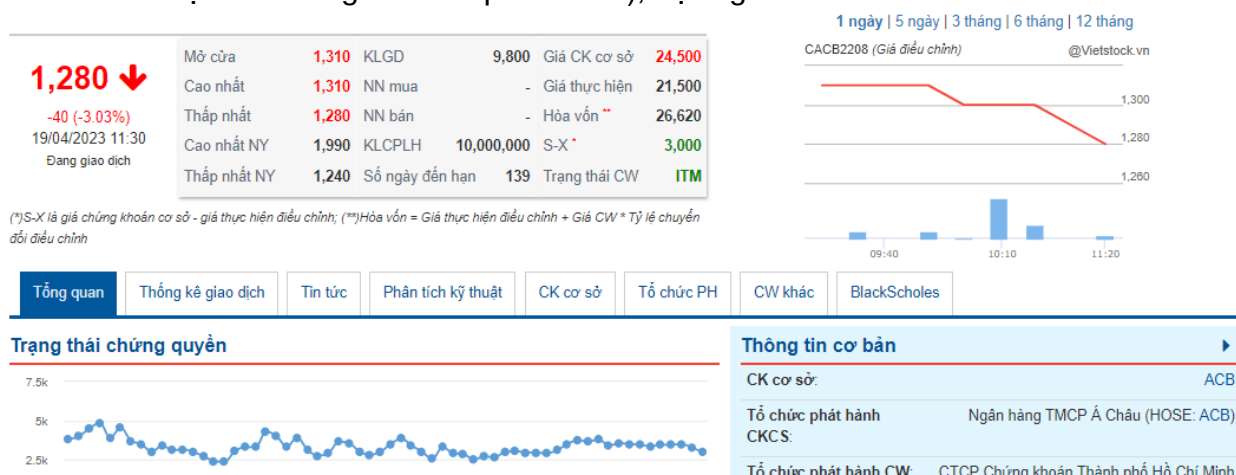
d. Chi tiết mã chứng quyền:

Cách truy cập thông tin chi tiết của một mã chứng quyền:

- Bấm chọn mã chứng quyền tại Danh sách các chứng quyền ở tab Tổng quan
- Tại ô tìm kiếm gõ tên mã chứng quyền cần tra cứu

Thông tin chi tiết về một mã chứng quyền bao gồm:

- Giá giao dịch và các chỉ số realtime trong ngày
- Biểu đồ giá
- Thanh menu phân loại thông tin: Tổng quan, Thống kê giao dịch, Tin tức, PTKT, Chứng khoán cơ sở, Tổ chức phát hành, CW khác (CW cùng chứng khoán cơ sở hoặc CW cùng tổ chức phát hành), Định giá BlackScholes.



2.6. Công cụ đầu tư

2.6.1. Biểu đồ sức mạnh giá và dòng tiền (RRG)

Biểu đồ Sức mạnh giá và dòng tiền (Relative Rotation Graph, RRG) giúp nhà đầu tư nhận biết sự dịch chuyển dòng tiền trên thị trường một cách sinh động.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Sức mạnh giá RRG](#)



Biểu đồ được hình thành bởi hai trục Sức mạnh giá (VS-RS) và Động lượng tăng trưởng (VS-Mom), giúp nhà đầu tư tìm các cổ phiếu mạnh hơn thị trường (outperform): tăng nhiều hơn khi thị trường tăng (bull market) và giảm ít hơn khi thị trường giảm (bear market). RRG cũng giúp tránh các cổ phiếu yếu hơn thị trường chung (underperform) vốn có đặc tính là tăng ít hơn khi thị trường tăng và giảm nhiều hơn khi thị trường giảm.

Các trạng thái cơ bản:

- Tăng trưởng (Leading): Giá nằm trong góc phần tư tăng trưởng khi VS-RS và VS-Mom đều nằm trên 100.
- Suy yếu (Weakening): Giá nằm trong góc phần tư suy yếu khi VS-RS nằm trên 100 nhưng VS-Mom đã rơi xuống dưới 100.
- Giảm giá (Lagging): Giá nằm trong góc phần tư giảm giá khi VS-RS và VS-Mom đều dưới 100.
- Tích lũy (Improving): Giá nằm ở góc phần tư tích lũy khi VS-RS dưới 100, nhưng VS-Mom di chuyển trên 100.

Các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem biểu đồ theo khung thời gian là tuần (weekly), nhà đầu tư trung và dài hạn có thể theo khung thời gian là tháng (monthly). Việc thay đổi mã cổ phiếu/chỉ số ngành theo dõi có thể thực hiện ở mục Tùy chỉnh.

2.6.2. Bảng giá trực tuyến

Bảng giá cung cấp thông tin giao dịch (giá, khối lượng) theo thời gian thực (realtime) tất cả các chứng khoán trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCoM bao gồm cả cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, chứng quyền, hợp đồng tương lai.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Bảng giá trực tuyến](#)

https://banggia.vietstock.vn

2.6.3. Bộ lọc cổ phiếu

Bộ lọc cổ phiếu cung cấp các tiêu chí để sàng lọc tìm cổ phiếu tiềm năng, hỗ trợ ra quyết định đầu tư.

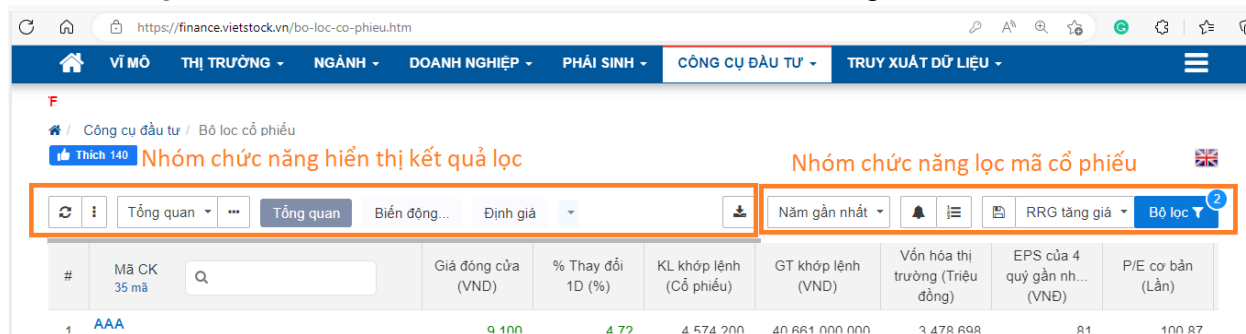
Đặc điểm nổi bật:

- Bộ tiêu chí lọc đa dạng: Bao gồm dữ liệu cơ bản, tài chính, giao dịch, kỹ thuật. Dữ liệu được số hóa đa dạng cung cấp toàn diện chỉ tiêu cho bộ lọc.
- Đơn giản hóa thao tác: Có sẵn mẫu lọc, mẫu hiển thị phổ biến nhất.
- Cá nhân hóa: Bạn có thể tự tạo và lưu sẵn Mẫu lọc, Mẫu hiển thị tùy ý và lưu lại cho lần sử dụng sau.
- Giao diện tối ưu, trực quan, tính năng tiện dụng để tối đa không gian trải nghiệm.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Bộ lọc cổ phiếu](#)

Khi lần đầu mở **Bộ lọc cổ phiếu**, VietstockFinance đã hiển thị sẵn mẫu lọc mặc định.

Để sử dụng bộ lọc, bạn thực hiện thao tác 2 nhóm chức năng: lọc và hiển thị.



#	Mã CK	Giá đóng cửa (VND)	% Thay đổi 1D (%)	KL khớp lệnh (Cổ phiếu)	GT khớp lệnh (VND)	Vốn hóa thị trường (Triệu đồng)	EPS của 4 quý gần nhất (VND)	P/E cơ bản (Lần)
1	AAA	9.100	4.72	4.574.200	40.661.000.000	3.478.698	81	100.87

Nhóm 1: Nhóm chức năng lọc mã cổ phiếu:

Để lọc cổ phiếu, bạn có thể chọn một trong hai cách:

Cách lọc 1: Chọn Mẫu lọc bạn quan tâm trong Bộ lọc mẫu Vietstock

#	Mã CK 11 mã	Giá đóng cửa (VND)	% Thay đổi 1D (%)	KL khớp lệnh (Cổ phiếu)	GT khớp lệnh (VND)	Vốn hóa thị trường (Triệu đồng)
1	API CTCP ĐẦU TƯ CHẤU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (HNX)	12,500	-1.57	854,441	10,630,575,800	0
2	CEO CTCP TẬP ĐOÀN C.E.O (HNX)	23,400	-2.90	4,985,720	118,837,998,500	0
3	CRE CTCP BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ (HOSE)	7,310	-1.35	288,800	2,134,000,000	701,759
4	DIG TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ... (HOSE)	17,000	-2.30	23,488,500	412,550,000,000	6,968,146
5	L14 CTCP LICOI 14 (HNX)	49,400	-3.33	304,628	15,405,485,300	0
6	LHG CTCP LONG HẬU (HOSE)	25,000	6.84	372,800	9,265,000,000	1,250,300
7	NVL CTCP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NÀO VÀ (HOSE)	14,550	-2.02	32,240,200	483,625,000,000	21,440,962

Cách lọc 2: Tự tạo mẫu lọc tùy ý và lưu lại cho lần sau:

- Bước 1: Trên menu bấm **Bộ lọc**, chọn tiêu chí và giá trị lọc cho từng tiêu chí. Trong đó:
 - ❖ **Đã chọn**: Thống kê các chỉ tiêu bạn đã chọn
 - ❖ **Tất cả**: Thống kê tất cả các chỉ tiêu có thể lọc theo phân nhóm: **Tổng quan, Tài chính, Giao dịch, Kỹ thuật**
- Bước 2: Click **Đóng bộ lọc** để xem hiển thị
- Bước 3: Lưu mẫu lọc để sử dụng cho lần sau

Tổng quan

Định giá

Sinh lợi

Năm gần nhất

Phá đáy 6 th ...

Bộ lọc

Đã chọn

Tất cả

Tổng quan

Tài chính

Giao dịch

Kỹ thuật

Tìm kiếm bộ lọc

Cài lại tất cả

TỔNG QUAN

Ngành VS Sector

Bất động sản

TÀI CHÍNH

Nhóm chỉ số Định giá

Thu nhập trên mỗi cổ phần của 4 quý gần nhất (EPS) (VND)

-32,193,360

GIAO DỊCH

Chỉ số giá trị

Giá trị trung bình 1 tháng (VND)

Dưới

1,000,000,000

KỸ THUẬT

Phá đáy 6 tháng

Sức mạnh giá RRG (tuần)

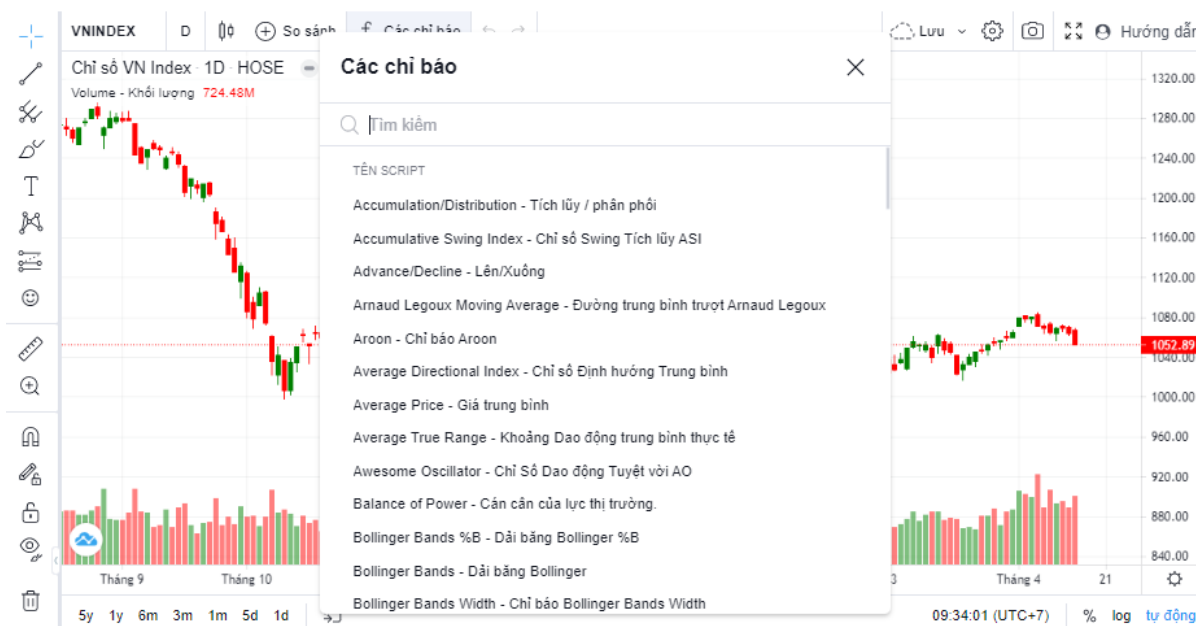
Tăng giá

Nhóm 2: Nhóm thao tác tùy chỉnh hiển thị:

- Chọn **Mẫu hiển thị** có sẵn của Vietstock
- Tự tạo mẫu hiển thị và lưu Mẫu hiển thị cho lần sau
- Tùy chỉnh thời gian làm mới hiển thị
- Tải kết quả lọc

2.6.4. Phân tích kỹ thuật Stockchart

Stockchart là công cụ phân tích kỹ thuật chuyên sâu với dữ liệu trực tuyến được cung cấp bởi Vietstock và các tính năng được cung cấp bởi TradingView.



- Hỗ trợ nhiều trình duyệt, trên nhiều nền tảng thiết bị khác nhau: Chrome, Edge, Safari... trên laptop, mobile...
- Đồng bộ hóa đa thiết bị: Tự động đồng bộ hóa các mẫu đồ thị phân tích trên mọi thiết bị truy cập khi đăng nhập tài khoản VietstockID.
- Linh hoạt lựa chọn nhiều loại dữ liệu, khung thời gian khác nhau.
- Sao lưu dữ liệu trực tuyến: Cho phép lưu các đồ thị và mẫu phân tích không giới hạn số lượng.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Phân tích kỹ thuật](#) hoặc [tại đây](#).

2.6.5. Báo cáo phân tích

Báo cáo mới nhất



Technical View: Tuần 17 - 21/04/2023
 Nguồn: Vietstock
 Loại báo cáo: Vietstock: Nghiên cứu - Phân tích
 Nội dung tóm tắt: Phân tích kỹ thuật chứng khoán Việt Nam: Tuần 17-21/04/2023. Chiến lược đầu tư & Phân tích kỹ thuật chuyên sâu thị trường chứng khoán Việt Nam. Phân tích Xu hướng và Dao động giá. VN-Index - Xuất hiện mẫu hình nền Black Marubozu
 Tải về 15/04/2023



Vietstock Weekly: Tuần 17 - 21/04/2023
 Nguồn: Vietstock
 Tải về 15/04/2023



BMP: Khuyến nghị OUTPERFORM với giá mục tiêu 80,895 đồng/cổ phiếu
 Nguồn: BVS
 Tải về 14/04/2023



Báo cáo ngành Điện: Huy động nhiệt điện tích cực
 Nguồn: VNDS
 Tải về 14/04/2023



VSC: Khuyến nghị TÍCH LŨY với giá mục tiêu 29,200 đồng/cổ phiếu
 Nguồn: VDS
 Tải về 13/04/2023

Tìm kiếm

Từ khóa Nguồn

Từ ngày Đến ngày

Tìm kiếm

Báo cáo phân tích

- > Vietstock: Nghiên cứu - Phân tích
- > Vĩ mô - Chiến lược thị trường
- > Phân tích Ngành
- > Phân tích Doanh nghiệp
- > Tài liệu tham khảo
- > Doanh nghiệp giới thiệu

Nhận định - Phân tích

19/04/2023 Nhịp đập Thị trường 19/04: Thị trường suy yếu trước giờ ATC

Báo cáo phân tích cung cấp báo cáo phân tích và các tư liệu tham khảo từ nguồn trong và ngoài nước phong phú, giúp nhà đầu tư có cái nhìn sâu rộng về vấn đề mình quan tâm trong lĩnh vực chứng khoán.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Báo cáo phân tích](#):

- Bước 1: Tìm kiếm (Nhập từ khóa tìm kiếm là MCK hoặc nội dung tìm kiếm)
- Bước 2: Tùy chọn nguồn phát hành báo cáo
- Bước 3: Tùy chọn thời gian tìm kiếm
- Bước 4: Xem kết quả và chọn đọc báo cáo mình quan tâm.

Ngoài ra, Báo cáo phân tích còn được phân loại theo:

- Báo cáo của Vietstock
- Báo cáo vĩ mô
- Báo cáo ngành
- Phân tích doanh nghiệp

2.6.6. Technical Rating

Technical Rating tích hợp nhiều chỉ báo phân tích kỹ thuật khác nhau, bao gồm đường trung bình động, chỉ báo cường độ dao động, đánh giá sức mạnh xu hướng, đo lường độ biến động và nhiều chỉ báo khác.



Kết quả của Technical Rating cung cấp các khuyến nghị dưới dạng tín hiệu “mua mạnh” “mua” “bán” “bán mạnh” hoặc “trung lập”. Những tín hiệu này được thiết kế để cung cấp cho các nhà đầu tư những thông tin rõ ràng và trực quan mà không cần phải tự tay tiến hành phân tích kỹ thuật.

Technical Rating gồm hai nhóm chỉ báo lớn:

- Nhóm chỉ báo xu hướng: SMA và EMA với các độ dài thời gian khác nhau, chỉ báo Ichimoku, Volume Weighted Moving Average (VWMA) và Hull Moving Average (HullMA).
- Nhóm chỉ báo dao động: Relative Strength Index (RSI), Stochastic Oscillator, Commodity Channel Index (CCI), Average Directional Index (ADX), Awesome Oscillator (AO), Momentum, MACD, Stochastic RSI, Williams %R, Bulls and Bears Power và Ultimate Oscillator (UO).

Thao tác sử dụng: Vào menu **Cổ phiếu** >> **Cổ phiếu chi tiết** >> **Phân tích kỹ thuật** hoặc [tại đây](#)

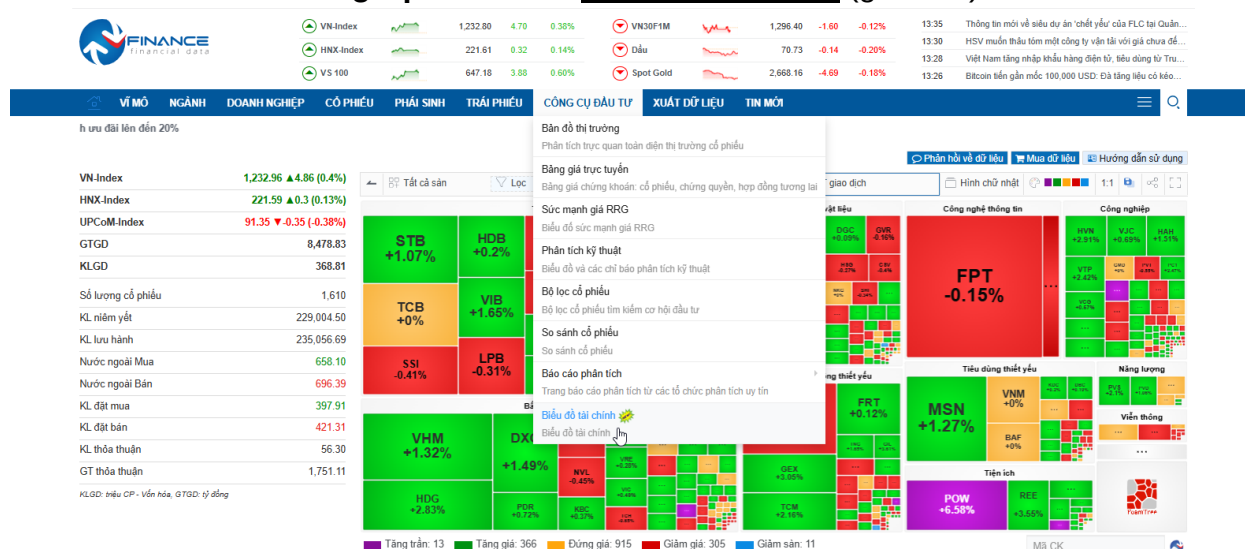
2.6.7. Biểu đồ tài chính

Biểu đồ tài chính là công cụ trực quan trong việc phân tích và hiểu rõ các dữ liệu tài chính. Các biểu đồ này giúp nhà đầu tư dễ dàng theo dõi và đưa ra góc nhìn tổng quan về vĩ mô, thị trường, ngành và cổ phiếu.

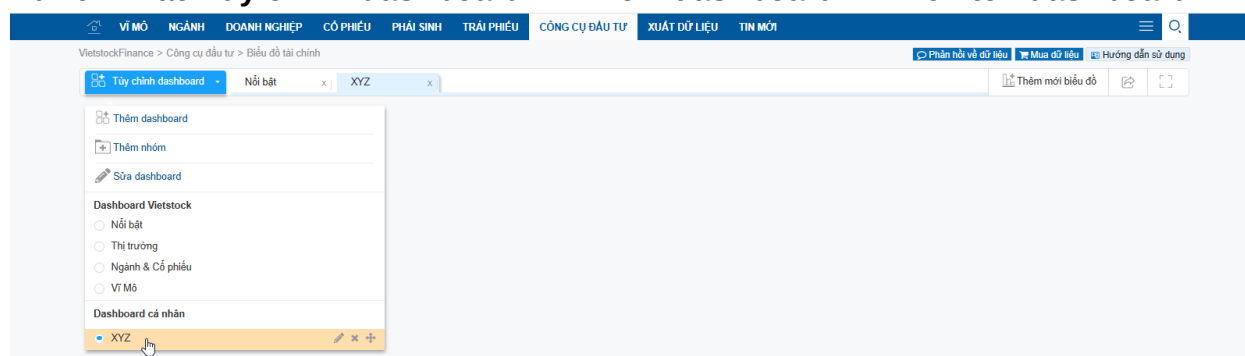
Chúng tôi dựa trên những biểu đồ tài chính được sử dụng phổ biến hiện nay để tạo ra những bộ chỉ số có sẵn giúp nhà đầu tư tham khảo và đưa ra quyết định đầu tư nhanh chóng. Các biểu đồ tài chính bao gồm Thị trường, Ngành & Cổ phiếu và Vĩ mô.

Ngoài ra, nhà đầu tư có thể tùy chỉnh dashboard theo nhu cầu cá nhân với các bước như sau:

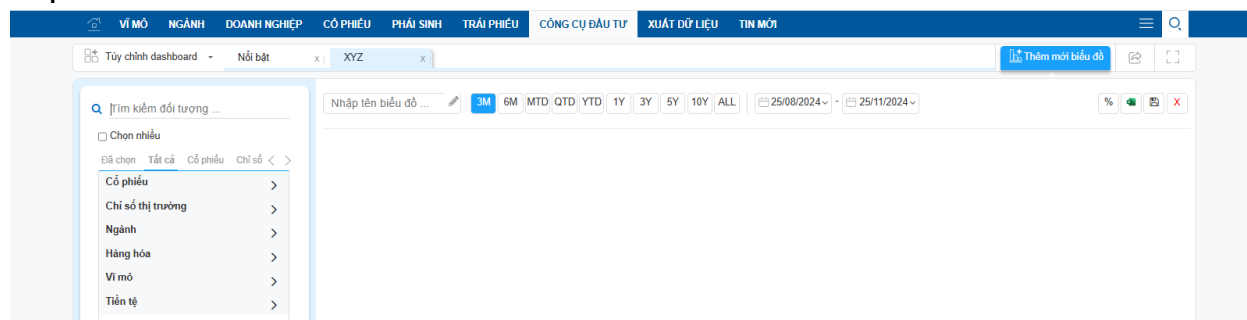
Bước 1: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> **Biểu đồ tài chính** (gắn link)



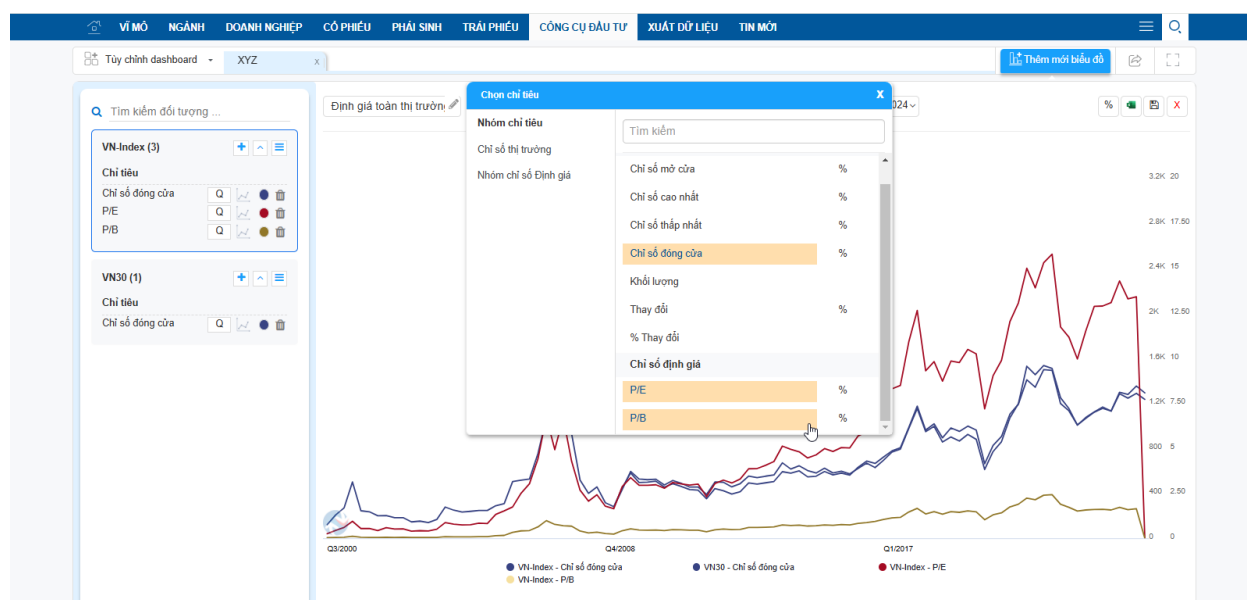
Bước 2: Vào **Tùy chỉnh dashboard** >> **Thêm dashboard** >> **Điền tên dashboard**



Bước 3: Vào **Thêm mới biểu đồ** >> Chọn các tiêu chí tại ô **Tìm kiếm đối tượng** hoặc chọn theo **danh sách có sẵn bên dưới**



Bước 4: Nhấp chọn chỉ tiêu mong muốn, sau đó chọn **Thêm mới chỉ tiêu** (nhấp chọn dấu cộng “+”) nếu có nhu cầu bổ sung thêm các chỉ tiêu khác



Bước 5: Chỉnh sửa loại biểu đồ, màu sắc, thêm bớt chỉ tiêu hoặc thứ tự hiển thị

Bước 6: Nhập **Tên biểu đồ** >> nhấp chọn **Lưu biểu đồ**

2.7. Truy xuất dữ liệu

Truy xuất dữ liệu là công cụ truy xuất dữ liệu toàn diện từ vĩ mô, ngành đến từng doanh nghiệp:

- Dữ liệu đầy đủ, chính xác, toàn diện và cập nhật: Hỗ trợ nhà đầu tư khám phá truy xuất cơ sở dữ liệu của hơn 3,000 doanh nghiệp trên các sàn HOSE, HNX, UPCoM và cả đại chúng chưa niêm yết.
- Thiết kế toàn diện “all in one”: Tích hợp tất cả các dữ liệu tài chính, thuận tiện tối đa cho người dùng trong việc khai thác và liên kết các bảng dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý.

- Linh hoạt lựa chọn nhiều loại dữ liệu, khung thời gian khác nhau, dữ liệu liên kết thông minh.
- Lưu mẫu dữ liệu truy xuất theo nhu cầu cá nhân và được tùy ý chỉnh sửa.

2.7.1. Tổng hợp doanh nghiệp

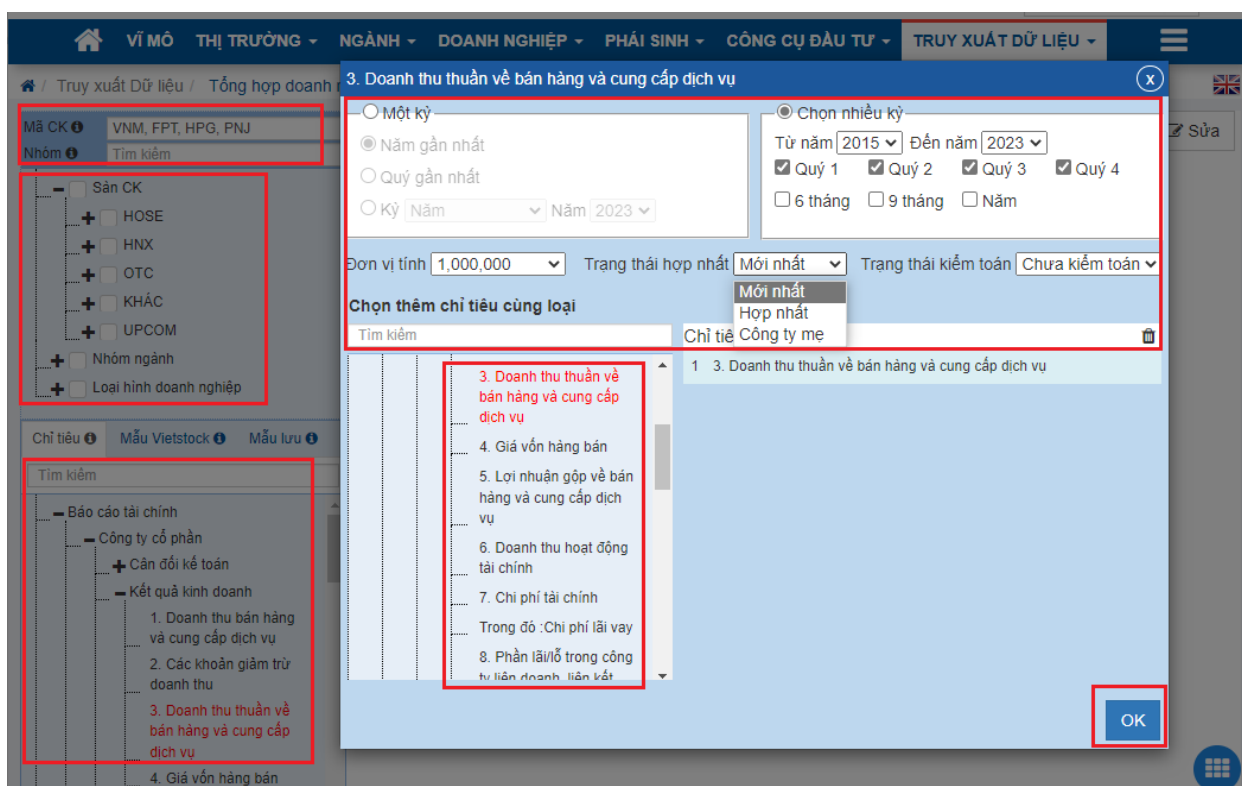
Thao tác sử dụng: Vào menu **Truy xuất dữ liệu >> Tổng hợp doanh nghiệp**

Để truy xuất dữ liệu Tổng hợp doanh nghiệp, bạn thực hiện các bước sau:

- **Bước 1: Chọn mã**
 - ❖ Cách 1: Tại ô Mã CK, nhập chuỗi các mã, cách nhau dấu phẩy (.). Ví dụ: VNM, FPT, HPG, PNJ
 - ❖ Cách 2: Chọn mã theo nhóm Sàn CK, Nhóm ngành, Loại hình doanh nghiệp
- **Bước 2: Chọn chỉ tiêu**
 - ❖ Cách 1: Nhập vào ô **Tìm kiếm** chỉ tiêu mà bạn muốn tìm và bấm chọn
 - ❖ Cách 2: Bấm dấu + để mở rộng xem chi tiết các nhóm chỉ tiêu và chọn

Khi box thuộc tính hiện ra, bạn có thể chọn thêm nhiều chỉ tiêu cùng loại, đồng thời có thể thay đổi kỳ dữ liệu, đơn vị tính, trạng thái hợp nhất, kiểm toán theo nhu cầu và bấm OK để lấy dữ liệu hiển thị trên màn hình.

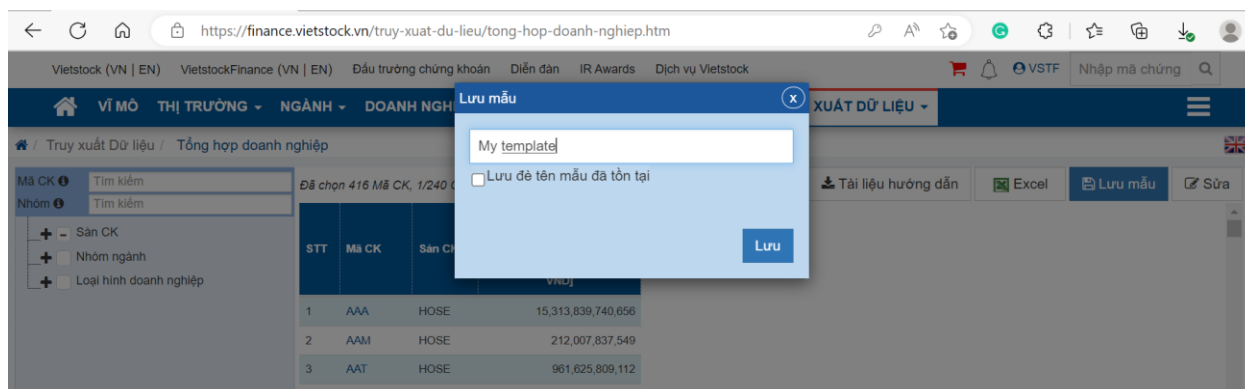
Trường hợp bạn cần thay đổi chỉ tiêu, thay đổi thứ tự cột dữ liệu thì click vào **Sửa**.



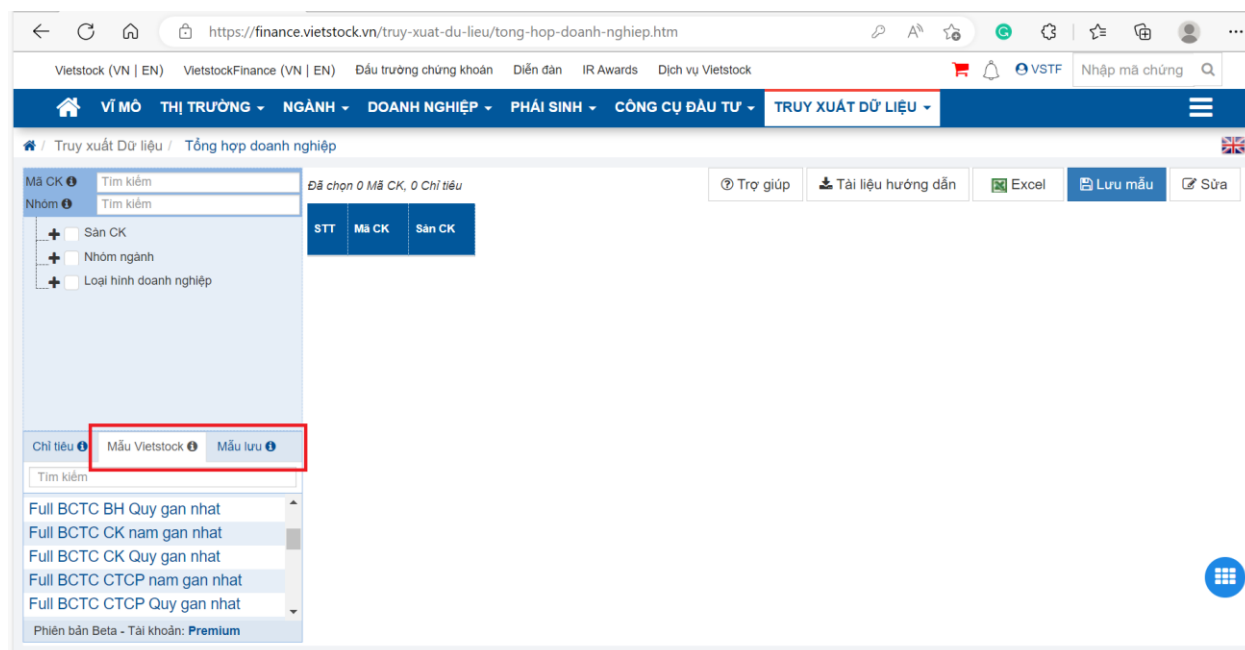
- **Bước 3: Xuất Excel**
- **Bước 4: Lưu mẫu**

Lưu mẫu giúp bạn lưu lại danh sách chỉ tiêu, danh sách mã để truy xuất cho lần sau.

Để lưu mẫu bấm **Lưu Mẫu >> Nhập tên >> Lưu**



Trường hợp dùng mẫu truy xuất Vietstock hoặc bạn đã lưu mẫu, bấm Chọn **Mẫu Vietstock** hoặc **Mẫu lưu >> Chọn mẫu phù hợp >> Xác nhận OK**. Sau đó bấm **Excel** để xuất dữ liệu lưu về máy cá nhân.



2.7.2. Báo cáo tài chính

Tính năng này hỗ trợ truy xuất chuyên sâu về báo cáo tài chính, chỉ số tài chính của nhiều mã, nhiều kỳ. Trong đó, mỗi mã, mỗi kỳ hiển thị là một cột.

Thực hiện các bước sau để truy xuất có thể truy xuất dữ liệu:

- Bước 1: Chọn **Báo cáo tài chính** hoặc **Chỉ số tài chính**
- Bước 2: **Nhập mã CK**: nhập 1 hoặc nhiều mã cách nhau dấu phẩy (,)
- Bước 3: Tùy chọn các thuộc tính >> Bấm **Xem**
 - ❖ Với Báo cáo tài chính, các thuộc tính tùy chọn: Kỳ dữ liệu | Đơn vị tính | Trạng thái hợp nhất | Trạng thái kiểm toán | Loại báo cáo

- ❖ Với Chỉ số tài chính, các thuộc tính tùy chọn: Kỳ dữ liệu | Nhóm chỉ tiêu
- Bước 4: Bấm **Excel** để xuất dữ liệu



TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Tổng hợp doanh nghiệp

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính ngành

Ví mô

Excel

Mã CK: VNM, VIC

Báo cáo tài chính

Chỉ số tài chính

Một kỳ

Chọn nhiều kỳ

Từ năm: 2021 Đến năm: 2023

Quý 1 Quý 2 Quý 3 Quý 4

6 tháng 9 tháng Năm

Tất cả các kỳ

Đơn vị tính: 1,000,000 đồng

Trạng thái hợp nhất: Hợp nhất

Trạng thái kiểm toán: Kiểm toán

Báo cáo

Cân đối kế toán

Kết quả kinh doanh

Lưu chuyển tiền tệ

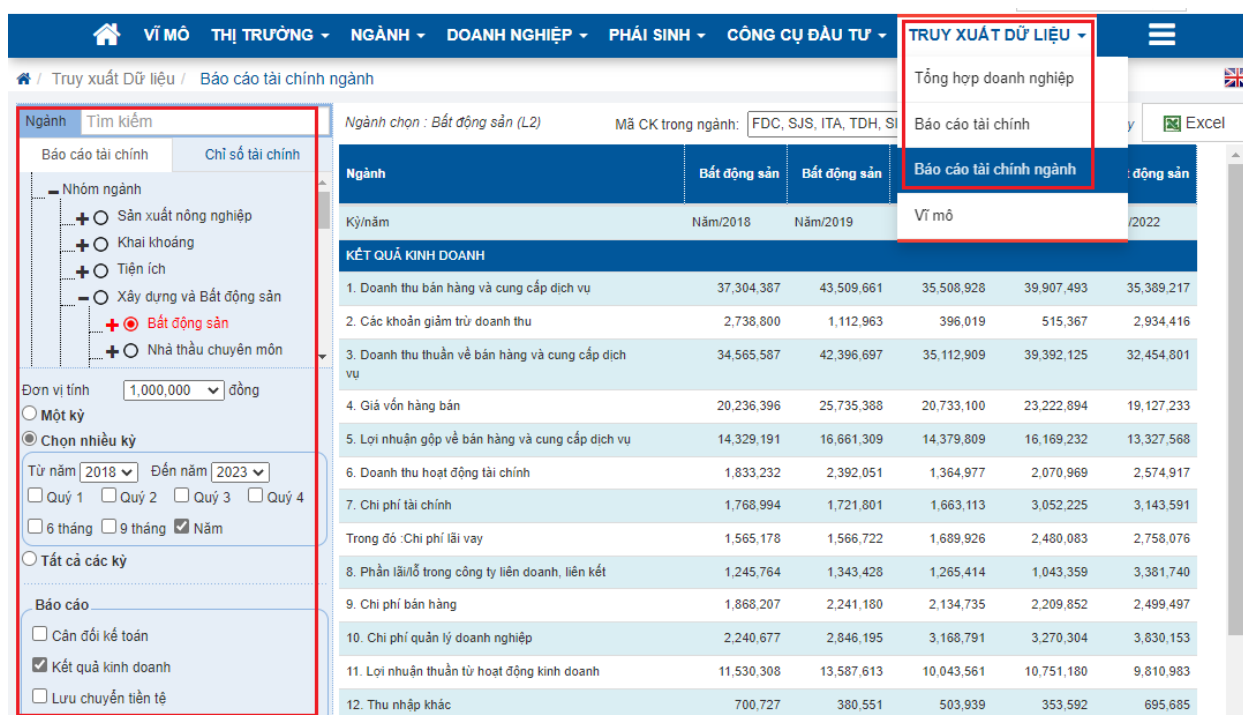
Đang chọn các Mã CK thuộc loại hình báo cáo: CTCP Thường

Mã CK	VNM	VNM	VNM	VNM	VNM
Kỳ/năm	Năm/2021	Năm/2022	Năm/2021	Năm/2022	Năm/2021
Trạng thái hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất	Hợp nhất
Trạng thái kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán	Kiểm toán
Công ty kiểm toán	KPMG	KPMG	EY	EY	EY
Ý kiến kiểm toán	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần	Chấp nhận toàn phần
Ngày công bố báo cáo	28-02-2022	28-02-2023	01-04-2022	31-03-2023	31-03-2023
Ngày ký kiểm toán	28-02-2022	28-02-2023	31-03-2022	31-03-2023	31-03-2023

KẾT QUẢ KINH DOANH

MS	MS	MS	MS	MS	MS
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	61,012,074	60,074,730	125,780,761	101,809,529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	92,909	118,483	92,891	15,947
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	60,919,165	59,956,247	125,687,870	101,793,582
4. Giá vốn hàng bán	11	34,640,863	36,059,016	91,623,165	87,099,750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26,278,301	23,897,232	34,064,705	14,693,832

2.7.3. Báo cáo tài chính ngành



TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Tổng hợp doanh nghiệp

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính ngành

Ví mô

Excel

Ngành: Tìm kiếm

Báo cáo tài chính

Chỉ số tài chính

Một kỳ

Chọn nhiều kỳ

Từ năm: 2018 Đến năm: 2023

Quý 1 Quý 2 Quý 3 Quý 4

6 tháng 9 tháng Năm

Tất cả các kỳ

Đơn vị tính: 1,000,000 đồng

Trạng thái hợp nhất: Hợp nhất

Trạng thái kiểm toán: Kiểm toán

Báo cáo

Cân đối kế toán

Kết quả kinh doanh

Lưu chuyển tiền tệ

Ngành chọn: Bất động sản (L2)

Mã CK trong ngành: FDC, SJS, ITA, TDH, SI

Ngành	Bất động sản	Bất động sản	Bất động sản	Bất động sản	Bất động sản
Kỳ/năm	Năm/2018	Năm/2019	Năm/2020	Năm/2021	Năm/2022

KẾT QUẢ KINH DOANH

MS	MS	MS	MS	MS	MS
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,304,387	43,509,661	35,508,928	39,907,493	35,389,217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2,738,800	1,112,963	396,019	515,367	2,934,416
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,565,587	42,396,697	35,112,909	39,392,125	32,454,801
4. Giá vốn hàng bán	20,236,396	25,735,388	20,733,100	23,222,894	19,127,233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14,329,191	16,661,309	14,379,809	16,169,232	13,327,568
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,833,232	2,392,051	1,364,977	2,070,969	2,574,917
7. Chi phí tài chính	1,768,994	1,721,801	1,663,113	3,052,225	3,143,591
Trong đó: Chi phí lãi vay	1,565,178	1,566,722	1,689,926	2,480,083	2,758,076
8. Phần lãi/nỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1,245,764	1,343,428	1,265,414	1,043,359	3,381,740
9. Chi phí bán hàng	1,868,207	2,241,180	2,134,735	2,209,852	2,499,497
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,240,677	2,846,195	3,168,791	3,270,304	3,830,153
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,530,308	13,587,613	10,043,561	10,751,180	9,810,983
12. Thu nhập khác	700,727	380,551	503,939	353,592	695,685

Báo cáo tài chính ngành hỗ trợ truy xuất dữ liệu báo cáo tài chính, chỉ số tài chính theo từng nhóm ngành (Vietstock sử dụng hệ thống phân ngành theo chuẩn VS-Sector 2.0).

- Bước 1: Chọn ngành (Tính năng này còn hỗ trợ danh sách các mã trong ngành và có thể sao chép MCK để xuất dữ liệu chi tiết các mã trong ngành).
- Bước 2: Tùy chọn thời gian.

- Bước 3: Tùy chọn Loại báo cáo Cân đối kế toán | Kết quả kinh doanh | Lưu chuyển tiền tệ.
- Bước 4: Bấm Xem và xuất Excel.

3. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

3.1. Hệ thống phân ngành

Hệ thống phân ngành Vietstock (hay còn gọi là VS-Sector 2.0) được xây dựng nhằm phân loại các doanh nghiệp tại Việt Nam, với trọng tâm là doanh nghiệp niêm yết và công ty đại chúng chưa niêm yết. Hệ thống này cung cấp một cách tiếp cận chuẩn hóa, thống nhất cho các sản phẩm và dịch vụ của Vietstock. VS-Sector 2.0 đặc biệt phù hợp với lĩnh vực tài chính và đầu tư, giúp xác định rõ cấu trúc ngành cũng như xu hướng phát triển của nền kinh tế.

VS-Sector 2.0 được phát triển dựa trên việc tham khảo các hệ thống phân ngành đang áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán trong nước và quốc tế, đồng thời tham chiếu theo phương pháp phân ngành GICS (Global Industry Classification Standard) nhằm áp dụng các phương pháp tiếp cận phổ quát và thiết lập ngôn ngữ chung giữa thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Bên cạnh đó, VS-Sector 2.0 cũng được điều chỉnh với một số đặc thù riêng, phù hợp với bối cảnh thị trường Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng và bất động sản.

3.2. Chỉ số chứng khoán

Phương pháp luận chỉ số xây dựng các chỉ số chứng khoán của Vietstock: Phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng được áp dụng cho Vietstock Index (VS Sector Index, VS Market Cap Index và VS 100 Index).

Xem chi tiết về phương pháp luận chỉ số chứng khoán của Vietstock [tại đây](#).

3.3. Chỉ số tài chính doanh nghiệp

Vietstock cung cấp chỉ số tài chính tính toán theo kỳ Ngày/Quý/Năm, phân chia theo từng loại hình Công ty cổ phần thường, Công ty chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm.

3.3.1. Chỉ số tài chính kỳ ngày

Chỉ số tài chính kỳ ngày được tính toán và cập nhật theo dữ liệu BCTC kỳ gần nhất và dữ liệu giao dịch ngày gần nhất T-1 (trừ Vốn hóa thị trường tính tại ngày T)

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
VHTT	Triệu đồng	Giá đóng cửa*KLCPLH

EPS trailing	VNĐ	LNST cổ đông công ty mẹ 4 quý gần nhất/KLCPLHBQ <i>KLCPLHBQ là bình quân KLCPLH tất cả các ngày trong kỳ</i>
BVPS	VNĐ	(VCSH - Giá trị CP ưu đãi)/KLCPLH
P/E	Lần	Giá đóng cửa/EPS trailing
F P/E	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/Lợi nhuận kế hoạch
P/B	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/(VCSH - Giá trị CP ưu đãi) <i>Áp dụng nếu Giá trị CP ưu đãi được gộp vào VCSH</i>
P/S	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Cổ tức tiền mặt	đồng	Tổng cổ tức tiền mặt đã thực hiện trong 1 năm gần nhất
Dividend Yield	%	Tổng cổ tức tiền mặt đã thực hiện trong 1 năm gần nhất/Giá đóng cửa <i>Ngày tính cổ tức theo ngày GDKHQ</i>
Beta	Lần	So sánh mức độ biến động giá của cổ phiếu so với mức độ biến động chung của toàn thị trường trong 100 phiên gần nhất. $\text{Beta} = \text{Covar}(R_i, R_m) / \text{Var}(R_m)$ <i>Trong đó:</i> R_i: Tỷ suất sinh lời của chứng khoán R_m: Tỷ suất sinh lời của thị trường (VN-Index/HNX-Index) $\text{Var}(R_m)$: Phương sai của tỷ suất sinh lời của thị trường $\text{Covar}(R_i, R_m)$: Hiệp phương sai của tỷ suất sinh lời của chứng khoán và tỷ suất sinh lời của thị trường <i>Tỷ suất sinh lời tính theo kỳ tuần: $R = (p_1 - p_0) / p_0$</i> <i>Trong đó:</i> p_1: Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index ngày cuối tuần T p_0: Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index ngày cuối tuần T-1

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.

3.3.2. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (CTCP thường và CTCK)

Nhóm chỉ số tăng trưởng

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tăng trưởng DTT	%	(Doanh thu thuần/Doanh thu thuần kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng lợi nhuận gộp	%	(Lợi nhuận gộp/Lợi nhuận gộp kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng LNTT	%	(Lợi nhuận trước thuế/Lợi nhuận trước thuế kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng LNST CĐ công ty mẹ	%	(LNST CĐ công ty mẹ/LNST CĐ công ty mẹ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng tài sản	%	(Tổng tài sản/Tổng tài sản kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng nợ dài hạn	%	(Nợ dài hạn/Nợ dài hạn kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng nợ phải trả	%	(Nợ phải trả/Nợ phải trả kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng VCSH	%	(VCSH/VCSH kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	(Vốn điều lệ/Vốn điều lệ kỳ trước - 1)*100

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tỷ suất LN gộp biên	%	$100 * \text{Lợi nhuận gộp} / \text{Doanh thu thuần}$
Tỷ lệ lãi EBIT**	%	$100 * \text{EBIT} / \text{Doanh thu thuần}$ <i>Với EBIT = LNTT + Chi phí lãi vay</i>

Tỷ lệ lãi EBITDA**	%	$100 \times \text{EBITDA} / \text{Doanh thu thuần}$ <i>Với EBITDA = LNTT + Chi phí lãi vay + Khấu hao</i> <i>Trong đó:</i> + Khấu hao TSCĐ lấy từ LCTT gián tiếp + Nếu không có LCTT gián tiếp thì Khấu hao = Hao mòn (TSCĐHH + Tài chính + Vô hình) cuối kỳ - Hao mòn (TSCĐHH + Tài chính + Vô hình) đầu kỳ
ROS	%	$100 \times \text{LNST} / \text{Doanh thu thuần}$
ROEA	%	$100 \times \text{LNST} / \text{cổ đông CTM/BQ} (\text{VCSH} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát})$ + BQ(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) là bình quân (VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) đầu kỳ và cuối kỳ + Áp dụng nếu lợi ích cổ đông không kiểm soát được gộp vào VCSH
Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
ROCE**	%	$100 \times \text{EBIT} / (\text{Tổng tài sản BQ} - \text{Nợ ngắn hạn BQ})$
ROAA	%	$100 \times \text{LNST CTM} / \text{Tổng tài sản BQ}$

Nhóm chỉ số Thanh khoản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Khả năng TT bằng tiền mặt	Lần	Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn
Khả năng TT nhanh**	Lần	$(\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}) / \text{Nợ ngắn hạn}$ <i>Hàng tồn kho: đã trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>
Khả năng TT nhanh (Đã loại trừ HTK)	Lần	$(\text{Tiền và các khoản tương đương tiền} + \text{Đầu tư tài chính ngắn hạn}) / \text{Nợ ngắn hạn}$
Khả năng TT ngắn hạn	Lần	$\text{Tài sản ngắn hạn} / \text{Nợ ngắn hạn}$
Khả năng TT lãi vay**	Lần	$(\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Chi phí lãi vay}) / \text{Chi phí lãi vay}$

Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Vòng quay phải thu KH	Vòng	$\text{Doanh thu thuần} / \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ}$
Số ngày thu tiền KH BQ	Ngày	$365 \times \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ} / \text{DTT}$
Vòng quay HTK**	Vòng	$\text{Giá vốn hàng bán} / \text{Hàng tồn kho BQ}$
Số ngày tồn kho BQ**	Ngày	$365 \times \text{Hàng tồn kho BQ} / \text{Giá vốn hàng bán}$
Vòng quay phải trả nhà cung cấp**	Vòng	$\text{Giá vốn hàng bán} / \text{Phải trả người bán ngắn hạn BQ}$
Số ngày trả tiền khách hàng BQ**	Ngày	$365 \times \text{Phải trả người bán ngắn hạn BQ} / \text{Giá vốn hàng bán}$
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Vòng	$\text{Doanh thu thuần} / \text{Tài sản cố định BQ}$
Hiệu suất sử dụng toàn bộ TS	Vòng	$\text{Doanh thu thuần} / \text{Tổng tài sản BQ}$
Vòng quay VCSH	Vòng	$\text{Doanh thu thuần} / \text{VCSH BQ}$

Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
-----------------	-----	----------------

Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ phải trả	%	100*Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả
Nợ vay/Tổng tài sản	%	(Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn)/Tổng tài sản
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	Nợ phải trả/Tổng tài sản
VCSH/Tổng tài sản	%	VCSH/Tổng tài sản
Nợ ngắn hạn/ VCSH	%	Nợ ngắn hạn/VCSH
Nợ vay/VCSH	%	(Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn)/VCSH
Nợ phải trả/VCSH	%	Nợ phải trả/VCSH

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
TSNH/Tổng tài sản	%	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản
Tiền/TSNH	%	Tiền và các khoản tương đương tiền/Tài sản ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn/TSNH	%	Đầu tư tài chính ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn/TSNH	%	Phải thu ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn
HTK/TSNH	%	Hàng tồn kho/Tài sản ngắn hạn
TSNH khác/TSNH	%	Tài sản ngắn hạn khác/Tài sản ngắn hạn
TSDN/Tổng tài sản	%	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản
TSCĐ/Tổng tài sản	%	TSCĐ/Tổng tài sản
TSCĐ hữu hình/TSCĐ	%	TSCĐ hữu hình/TSCĐ
TSCĐ thuê tài chính/TSCĐ	%	TSCĐ thuê tài chính/TSCĐ
TSVH/TSCĐ	%	TSVH/TSCĐ
XDCBDD/TSCĐ**	%	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/TSCĐ

Cơ cấu Chi phí

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
GVHB/DTT**	%	Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần
CP BH/DTT**	%	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần
CP QLDN/DTT**	%	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần
Lãi vay/DTT**	%	Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần

Nhóm chỉ số Định giá

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
EPS 4 quý gần nhất	VNĐ	LNST CĐ Công ty mẹ/KLCPLH BQ + LNST CĐ Công ty mẹ là tổng LNST CĐ Công ty mẹ 4 quý gần nhất (kỳ Quý) hoặc năm gần nhất (kỳ Năm) + KLCPLH BQ là bình quân KLCPLH tất cả các ngày trong kỳ
BVPS cơ bản	VNĐ	(VCSH - Giá trị CP ưu đãi)/KLCPLH + KLCPLH lấy tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu + Nếu không có dữ liệu KLCPLH thì lấy Vốn góp của chủ sở hữu/10,000
P/E cơ bản	Lần	Giá đóng cửa/EPS 4 quý gần nhất Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu

P/B cơ bản	Lần	KLCPLH*Giá đóng cửa/(VCSH - Giá trị CP ưu đãi) + <i>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
P/S	Lần	Vốn hóa thị trường/DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>VHTT ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu (KLCPLH*Giá đóng cửa)</i>
Dividend Yield	%	Tổng cổ tức tiền mặt trên mỗi cổ phần/Giá đóng cửa + <i>Tổng cổ tức tiền mặt trên mỗi cổ phần đã thực hiện trong 1 năm gần nhất (theo ngày GDKHQ)</i> + <i>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
Beta		So sánh mức độ biến động giá của cổ phiếu đó so với mức độ biến động chung của toàn thị trường trong 100 tuần. Beta = Covar(Ri,Rm)/Var(Rm) Trong đó: • Ri : Tỷ suất sinh lời của chứng khoán • Rm: Tỷ suất sinh lời của thị trường (VN-Index/HNXIndex) • Var(Rm): Phương sai của tỷ suất sinh lời của thị trường • Covar(Ri,Rm): Hiệp phương sai của tỷ suất sinh lời của chứng khoán và tỷ suất sinh lời của thị trường Tỷ suất sinh lời tính theo kỳ tuần: $R = (p1 - p0) / p0$ Trong đó: • p1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index tại ngày Thứ 6 của tuần T • p0 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index tại ngày Thứ 6 của tuần T-1
EPS điều chỉnh 4 quý gần nhất	VNĐ	LNST CĐ Công ty mẹ/KLCPLHĐC BQ + <i>LNST CĐ Công ty mẹ là tổng LNST CĐ Công ty mẹ 4 quý gần nhất (kỳ Quý) hoặc năm gần nhất (kỳ Năm)</i> + <i>KLCPLHĐC BQ là bình quân KLCPLHĐC tất cả các ngày trong kỳ</i>
BVPS điều chỉnh	VNĐ	(VCSH - Giá trị CP ưu đãi)/KLCPLHĐC + <i>KLCPLHĐC tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
P/E điều chỉnh	Lần	Giá đóng cửa/EPS điều chỉnh 4 quý gần nhất <i>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
P/B điều chỉnh	Lần	KLCPLHĐC*Giá đóng cửa/(VCSH - Giá trị CP ưu đãi) + <i>KLCPLHĐC và Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu</i>
EV/EBIT	Lần	+ <i>EV = VHTT + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn + Giá trị cổ phiếu ưu đãi + Lợi ích cổ đông thiểu số - Tiền và tương đương tiền</i> + <i>Giá trị cổ phiếu ưu đãi tại VN thường không công bố nên không tính</i>
EV/EBITDA	Lần	EV/EBITDA

Nhóm chỉ số Dòng tiền

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dòng tiền từ HĐKD trên Tổng tài sản	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Tổng tài sản
Dòng tiền từ HĐKD trên Vốn chủ sở hữu	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/VCSH
Dòng tiền từ HĐKD trên Lợi nhuận thuần từ HĐKD	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Lợi nhuận thuần từ HĐKD
Khả năng thanh toán nợ	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nợ phải trả
Cash flow per share (CPS)	VNĐ	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/KLCPLH

Cash flow to revenue	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần
Khả năng chi trả Nợ ngắn hạn từ dòng tiền HĐKD	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nợ ngắn hạn
Khả năng chi trả Nợ ngắn hạn từ lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	%	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/Nợ ngắn hạn

Nhóm chỉ số chung

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
EBIT**	Triệu đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay
EBITDA**	Triệu đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay + Khấu hao
Giá trị doanh nghiệp (EV)	Triệu đồng	VHTT + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn + Giá trị cổ phiếu ưu đãi + Lợi ích cổ đông thiểu số - Tiền và tương đương tiền <i>Giá trị cổ phiếu ưu đãi tại VN thường không công bố nên không tính</i>
KLCP niêm yết	Cổ phiếu	Khối lượng cổ phiếu niêm yết theo dữ liệu từ Sở GDCK
KLCPĐLH	Cổ phiếu	Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành theo dữ liệu từ Sở GDCK
KLCPĐLH điều chỉnh (dự kiến)	Cổ phiếu	KLCPĐLH điều chỉnh (dự kiến) = KLCPĐLH + khối lượng cổ phiếu phát hành thêm (dự kiến) từ các sự kiện như phát hành thêm cổ phiếu thưởng, cổ phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hay ESOP <i>Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm (dự kiến) sẽ được cộng vào đầu phiên tại ngày GDKHQ</i>
VHTT	Triệu đồng	Vốn hóa thị trường = Giá đóng cửa*KLCPĐLH

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.

** : Các CSTC không tính toán cho nhóm các CTCK

3.3.3. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Bảo hiểm)

Nhóm chỉ số Tăng trưởng, Nhóm chỉ số Thanh khoản, Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính, Cơ cấu Tài sản ngắn hạn, Cơ cấu Tài sản dài hạn, Cơ cấu Chi phí, Nhóm chỉ số Định giá, Nhóm chỉ số Dòng tiền và Nhóm chỉ số chung giống CTCP thường

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tỷ suất LN gộp biên	%	$100 \times \text{Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm} / \text{Doanh thu thuần HĐKD BH}$
ROS	%	$100 \times \text{LNST thu nhập doanh nghiệp} / \text{Doanh thu thuần HĐKD BH}$
ROEA	%	$100 \times \text{LNST cổ đông CTM} / (\text{VCSH} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}) \text{BQ}$
ROCE	%	$100 \times \text{EBIT} / (\text{Tổng tài sản BQ} - \text{Nợ ngắn hạn BQ})$

Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Vòng quay phải thu KH	Vòng	$\text{Doanh thu thuần HĐKD BH} / \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ}$
Số ngày thu tiền KH BQ	Ngày	$365 \times \text{Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ} / \text{DTT HĐKD BH}$

Vòng quay phải trả nhà cung cấp	Vòng	(Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm + Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)/Phải trả người bán ngắn hạn BQ
Số ngày trả tiền khách hàng BQ	Ngày	365*Phải trả người bán ngắn hạn BQ/(Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm + Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Tài sản cố định BQ
Hiệu suất sử dụng TS	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Tổng tài sản BQ
Vòng quay VCSH	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/VCSH BQ

3.3.4. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Ngân hàng)

Nhóm chỉ số Định giá và Nhóm chỉ số chung: Giống nhóm chỉ số tính toán cho CTCP thường.

Nhóm chỉ số Tăng trưởng

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tăng trưởng LNTT	%	(Lợi nhuận trước thuế/Lợi nhuận trước thuế kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng LNST CĐ CTM	%	(LNST CĐ CTM/LNST CĐ CTM kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng tài sản	%	(Tổng tài sản/Tổng tài sản kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng VCSH	%	(Vốn và các quỹ/Vốn và các quỹ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	(Vốn điều lệ/Vốn điều lệ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng dư nợ cho vay	%	(Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng huy động vốn khách hàng	%	(Tiền gửi của khách hàng/Tiền gửi của khách hàng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	%	(Thu nhập lãi thuần/Thu nhập lãi thuần kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng dự phòng rủi ro tín dụng	%	(Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng thu phí dịch vụ thuần	%	(Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ/ Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng thu nhập HĐKD trước dự phòng	%	(Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng chi phí HĐKD	%	(Chi phí hoạt động/Chi phí hoạt động kỳ trước - 1)*100

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
YOE	%	100*Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự/(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng + Chứng khoán đầu tư)BQ

COF	%	100*Chi phí lãi và các chi phí tương tự/(Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá)BQ
NIM	%	100*Thu nhập lãi thuần/(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng + Chứng khoán đầu tư)BQ
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Tổng thu nhập HĐKD trước dự phòng	%	100*Chi phí hoạt động/(Chi phí hoạt động + Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng)
ROEA	%	100*Lợi nhuận sau thuế CTĐ CTM/(Vốn và các quỹ - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)BQ
ROAA	%	100*Lợi nhuận sau thuế CTĐ CTM/Tổng tài sản BQ

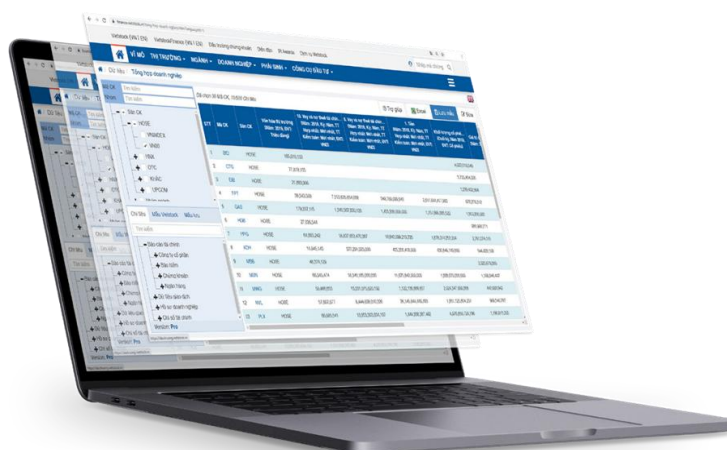
Nhóm chỉ số Thanh khoản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dư nợ cho vay khách hàng/Vốn huy động (LDR)	%	Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá
Dư nợ cho vay/Tổng tài sản Có	%	100*Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Tổng Tài sản
VCSH/Tổng vốn huy động	%	100*Vốn và các quỹ/(Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá)
VCSH/Tổng tài sản Có	%	100*Vốn và các quỹ/Tổng tài sản

Nhóm chỉ số Chất lượng tài sản

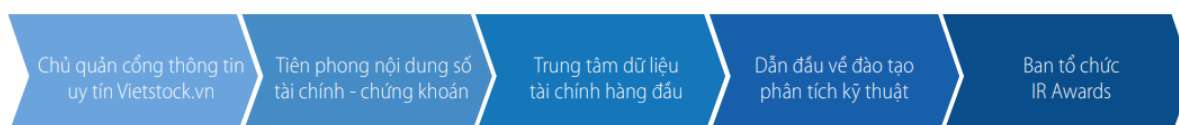
Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dự phòng rủi ro tín dụng/Tổng dư nợ	%	Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Cho vay và thuê tài chính khách hàng
Tài sản Có sinh lãi/Tổng tài sản Có	%	(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác - Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng - Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng + Chứng khoán đầu tư - Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư)/Tổng tài sản

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.



4. VỀ VIETSTOCK

Vietstock là tổ chức truyền thông tài chính và cung cấp nội dung số về tài chính - chứng khoán



4.1. Giới thiệu về Vietstock

Ngay từ những phiên giao dịch đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam, đội ngũ những nhà sáng lập Vietstock đã ấp ủ ước mơ xây dựng một cổng thông tin toàn diện và chuyên nghiệp về tài chính - chứng khoán, giúp nhà đầu tư có được cái nhìn thấu đáo về thị trường và từ đó tự tin trong các quyết định đầu tư của mình.

Sau quá trình nghiên cứu phát triển, xây dựng và chạy thử nghiệm, Cổng thông tin Vietstock.vn chính thức ra đời vào ngày 02/08/2002 và nhanh chóng nhận được sự ủng hộ lớn từ cộng đồng nhà đầu tư.

Vietstock tự hào và luôn nỗ lực cải tiến không ngừng để mang đến cho nhà đầu tư nguồn thông tin tham khảo có giá trị cao với hai phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh. Tầm nhìn: **Cổng thông tin tài chính trực tuyến Số 1 tại Việt Nam và về Việt Nam.**

- **Vietstock (<https://vietstock.vn/>):** Không chỉ tin tức và sự kiện nóng về kinh tế và tài chính - đầu tư; Vietstock cập nhật thông tin tất cả doanh nghiệp niêm yết; các kênh đầu tư từ cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, hàng hóa, bất động sản và các kênh đầu tư tài chính khác; cung cấp các báo cáo phân tích chuyên sâu về đầu tư chứng khoán hằng ngày.
- **VietstockFinance (<https://finance.vietstock.vn/>):** Hệ thống công cụ đầu tư chứng khoán, cơ sở dữ liệu vĩ mô - tài chính - chứng khoán được phát triển theo phương châm “toàn diện nền kinh tế - mọi góc độ doanh nghiệp”. Không chỉ cung cấp cho nhà đầu tư bức tranh lớn mà còn phục vụ sát sườn cho từng nhu cầu riêng biệt của mỗi cá nhân.
- **Đấu trường chứng khoán (<https://dautruong.vietstock.vn/>):** Đấu trường Vietstock là sân chơi chứng khoán ảo được mô phỏng theo thị trường thật, sử dụng dữ liệu giá cổ phiếu thật và realtime. Hãy tham gia các cuộc đua chứng khoán ảo tại Đấu trường Vietstock để tập dợt trước khi bước vào thị trường thật đầy khốc liệt hay thử nghiệm các phương pháp đầu tư mới.

4.2. Hoạt động kinh doanh chính

TRUYỀN THÔNG – QUẢNG CÁO

Truyền thông, tiếp thị và quảng cáo thông qua các sản phẩm báo chí, social media, banner và các loại hình online khác. Truyền thông tài chính, tư vấn và triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) hướng đến tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

ĐÀO TẠO CHỨNG KHOÁN

Vietstock có hơn 13 năm kinh nghiệm về đào tạo phân tích và đầu tư chứng khoán. Các khóa học trang bị cho nhà đầu tư kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, chú trọng khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

Dữ liệu vĩ mô, tài chính, chứng khoán theo tiêu chí chính xác, cập nhật và đầy đủ; phù hợp với nhu cầu dữ liệu lớn để tích hợp hệ thống, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số, phát triển platform, công cụ phân tích đầu tư hoặc nhu cầu chuyên biệt của giới học giả.

ẤN PHẨM TÀI CHÍNH

- Lịch Công bố thông tin trên TTCK
- Sách Phân tích kỹ thuật từ A đến Z
- Sách Vai trò của IR trong việc tối đa hóa giá trị doanh nghiệp

4.3. Sản phẩm dịch vụ

Dành cho App & Web	Dành cho người dùng cuối
DataFeed Dữ liệu tài chính tích hợp theo yêu cầu	VietstockFinance Dữ liệu tài chính và công cụ đầu tư chứng khoán trên nền web
InvestOnline Website phân tích và tra cứu chứng khoán thuê ngoài	VietstockUpdater Ứng dụng cung cấp dữ liệu cho các phần mềm PTKT
IROnline Website IR/quan hệ cổ đông thuê ngoài	VietstockXLS Dữ liệu tài chính xuất excel theo yêu cầu
WebBuilder Phát triển website theo yêu cầu	

